

Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 2023

## BÁO CÁO

### Sơ kết triển khai Chuyển đổi số quốc gia 06 tháng đầu năm 2023

(Phiên họp 6 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số)

Thực hiện các Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Quyết định số 17/QĐ-UBQGČĐS của Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số về việc ban hành Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2023 (sau đây gọi tắt là Ủy ban), trên cơ sở báo cáo của các bộ, ngành, địa phương, Bộ Thông tin và Truyền thông - Cơ quan thường trực Ủy ban báo cáo kết quả triển khai chuyển đổi số quốc gia 06 tháng đầu năm 2023 như sau:

### I. MỘT SỐ KẾT QUẢ NỔI BẬT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

#### 1. Luật Giao dịch điện tử sửa đổi được ban hành

Luật Giao dịch điện tử sửa đổi được Quốc hội thông qua tại Phiên họp sáng ngày 22/06/2023 kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV. Luật Giao dịch điện tử có tác động đến 139 văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực, được nhóm theo thẩm quyền và nội dung có liên quan; 11 điều ước quốc tế có liên quan đến Luật Giao dịch điện tử năm 2005, bao gồm: 26 luật; 113 văn bản hướng dẫn (27 Nghị định, 57 Thông tư, 29 Quyết định các cấp); Điều ước quốc tế: 11 văn bản (08 Hiệp định, 03 Công ước). Luật Giao dịch điện tử có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2024 với 06 chính sách mới đáng chú ý.

Cụ thể:

a) **Một là**, Luật Giao dịch điện tử sẽ giúp nhiều luật hiện nay có ngay hiệu lực thi hành trên môi trường số:

- Luật nào trước đây chưa quy định giao dịch được thực hiện bằng phương tiện điện tử thì được áp dụng theo quy định của Luật Giao dịch điện tử sửa đổi.

- Giao dịch điện tử có giá trị tương đương và có thể sử dụng thay thế giao dịch truyền thống.

- Các cơ quan, tổ chức không thể viện dẫn việc chưa có quy định để từ chối giá trị pháp lý của giao dịch điện tử.

b) **Hai là**, giao dịch điện tử toàn trình, tối ưu hóa, rút ngắn thời gian xử lý, thuận tiện hơn và có thể sử dụng thay thế giao dịch truyền thống. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để khắc phục tình trạng giao dịch điện tử phức tạp hơn, tốn thời gian, chi phí hơn khi phải thực hiện song song cả 02 hình thức, làm chậm tiến trình Chuyển đổi số. Quy định về chuyển đổi giữa giấy và điện tử thông suốt, không rào cản.

c) **Ba là**, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thực hiện hợp đồng điện tử, đưa ra cơ sở pháp lý để Bộ trưởng các Bộ có thể ban hành theo thẩm quyền quy định về hợp đồng điện tử trong ngành, lĩnh vực của mình.

d) **Bốn là**, luật hóa vai trò của các nền tảng số quốc gia, là công cụ điều phối quan trọng trong tổ chức thực thi Luật Giao dịch điện tử, như: Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia, Khung kiến trúc...

đ) **Năm là**, luật hóa việc cơ quan nhà nước được thuê chuyên gia từ ngân sách nhà nước hằng năm (kinh phí sự nghiệp) để thuê tư vấn xây dựng CSDL; thực hiện các hoạt động chuyên môn kỹ thuật về quản lý, vận hành, bảo đảm an toàn thông tin mạng cho hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước. Bước đầu tháo gỡ khó khăn về việc sử dụng kinh phí sự nghiệp cho công tác duy trì, vận hành CSDL, HTTT trong cơ quan nhà nước, đặc biệt là các CSDL quốc gia.

e) **Sáu là**, chính sách chia sẻ dữ liệu, giám sát, kiểm tra, thanh tra trực tuyến. Đặt cơ sở pháp lý quan trọng trong việc quản lý nhà nước sử dụng dữ liệu lớn thay vì quản lý nhà nước theo cách truyền thống. Đặc biệt là công tác chia sẻ dữ liệu, giám sát các CSDL, HTTT phục vụ giao dịch điện tử.

Những chính sách mới như trên tạo cơ sở pháp lý, cung cấp thêm công cụ quản lý và mở ra phương thức quản lý mới trong hoạt động chuyển đổi số; góp phần thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số Việt Nam bước vào giai đoạn “**tăng tốc**” có tính quyết định đến kết quả chuyển đổi số cả giai đoạn 2021-2025.

## 2. Xây dựng nhận thức số tại thành phố Đà Nẵng

Thành phố Đà Nẵng triển khai công tác tuyên truyền theo hướng “**dân hiểu, dân nhớ, dân theo, dân làm**”, cụ thể:

- **Một là**, nhận thức của người đứng đầu: Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số thành phố, **100%** sở, ban, ngành, UBND quận huyện, phường xã đều do người đứng đầu cơ quan, đơn vị làm Trưởng Ban. **Định kỳ hằng quý**, Chủ tịch UBND thành phố chủ trì họp Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số thành phố; **hằng năm**, Ban Thường vụ Thành ủy tổ chức sơ kết đánh giá kết quả triển khai Nghị quyết số 05-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố về chuyển đổi số (do Bí thư Thành ủy chủ trì).

- **Hai là**, triển khai bài bản: UBND thành phố đã ban hành **Đề án truyền thông tổng thể chuyển đổi số** giai đoạn 2022-2025<sup>1</sup>, cụ thể:

+ Sở Thông tin và Truyền thông (TT&TT) đã thiết kế bộ sản phẩm truyền thông Chuyển đổi số; xây dựng video clip tuyên truyền Chuyển đổi số; in, mua, cung cấp cho các cơ quan, đơn vị các tài liệu về chuyển đổi số<sup>2</sup>; xây dựng tài liệu, sổ tay điện tử về chuyển đổi số<sup>3</sup>. Xây dựng và đưa vào sử dụng Cổng Thông tin Chuyển đổi số thành phố<sup>4</sup>; Đài Phát thanh Truyền hình Đà Nẵng, Báo Đà Nẵng, Cổng Thông tin điện tử thành phố, các Trang thông tin điện tử của các sở, ngành, địa phương đã thiết lập chuyên mục “Chuyển đổi số”; định kỳ hằng tuần đăng tải các tin bài, phóng sự về kết quả, hoạt động chuyển đổi số.

+ UBND các quận huyện phường xã đã thiết lập các trang Zalo OA, Fanpage, Facebook và thiết lập nhóm Zalo cộng đồng tại **100%** thôn, tổ dân phố; tuyên truyền, đăng tải các tin, bài hướng dẫn về chuyển đổi số thông qua trang Zalo OA, Fanpage, website, các nhóm Zalo cộng đồng và đài truyền thanh cơ sở; đồng thời thông qua các mô hình tuyên truyền trực quan như: Mô hình thanh niên phát động ra quân tuyên truyền về chuyển đổi số, mô hình cuộc thi trực tuyến tìm hiểu về chuyển đổi số, hội thi tuyên truyền về chuyển đổi số “Rung chuông vàng”, mô hình “Điểm hỗ trợ dịch vụ công trực tuyến và chuyển đổi số”...

- **Ba là**, phát huy vai trò của các tổ chức xã hội: Năm 2023, Hội nghị thiếu niên, Đoàn thanh niên, Người cao tuổi, Liên hiệp các hiệp hội Khoa học kỹ thuật ... thuộc, trực thuộc Thành phố đều lấy chủ đề của năm là về chuyển đổi số.

### 3. Phát triển hạ tầng số tại tỉnh Quảng Ninh

Năm 2022, tỉnh Quảng Ninh là một trong các địa phương **đi đầu** về chỉ số cơ sở hạ tầng tại Việt Nam. “Chỉ số cơ sở hạ tầng” phản ánh đánh giá về chất lượng 04 lĩnh vực hạ tầng cơ bản liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, người dân, trong đó có 02/04 lĩnh vực thuộc lĩnh vực thông tin

<sup>1</sup> Quyết định số 2780/QĐ-UBND ngày 28/10/2022

<sup>2</sup> Các tài liệu: “Cẩm nang chuyển đổi số”, “Câu chuyện Chuyển đổi số” của Bộ TT&TT; sách “Internet vạn vật: Chuyển đổi số hay là chết”;...

<sup>3</sup> Cẩm nang Chuyển đổi số, Câu chuyện Chuyển đổi số của Bộ TT&TT, Sổ tay thành phố thông minh Việt Nam của Đại sứ quán Anh

<sup>4</sup> <https://dx.danang.gov.vn> hoặc <https://chuyendoiso.danang.gov.vn>

và truyền thông, cụ thể: **Các dịch vụ tiện ích cơ bản về viễn thông, tiếp cận và ứng dụng công nghệ thông tin.** Để có được kết quả như trên, tỉnh Quảng Ninh đã rất chú trọng đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng số để thúc đẩy nền sản xuất thông minh, phát triển kinh tế số, xã hội số:

- Một số kết quả chính:

+ **Một là**, tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang đạt: **89,13%** (trung bình cả nước đạt 75,39%).

+ **Hai là, 100%** xã, phường, thị trấn được triển khai Internet băng rộng với tốc độ truy nhập trung bình xấp xỉ với tốc độ trung bình của cả nước (tốc độ trung bình mạng di động tại Việt Nam đạt 46,66 Mbps và tốc độ trung bình mạng cố định đạt 84,18 Mbps).

+ **Ba là**, Trung tâm tích hợp dữ liệu của Tỉnh tiệm cận tiêu chuẩn quốc tế **Tier-3**, hiện được phát triển theo hướng sử dụng công nghệ **điện toán đám mây**.

+ **Bốn là**, mạng WAN kết nối đến **100%** các sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố và các xã, phường, thị trấn.

- Hạ tầng số **đồng bộ, hiện đại** đã góp phần quyết định chất lượng (thông suốt, ổn định, tin cậy, an toàn, an ninh mạng) cung cấp dịch vụ công trực tuyến, xử lý thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp, hiệu quả hoạt động của nền hành chính, cụ thể:

+ **100%** thủ tục hành chính của tỉnh Quảng Ninh đều được rút ngắn từ **30% - 70%** thời gian giải quyết so với quy định của cơ quan trung ương. Thực tiễn có đến hơn **60%** hồ sơ được giải quyết trước hạn.

+ **Đặc biệt**, ngày 29/06/2023, tỉnh Quảng Ninh tổ chức Lễ trao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với **02** dự án (Nhà máy FECV Foxconn Quảng Ninh và Nhà máy FMMV Foxconn Quảng Ninh) của Công ty Foxconn Singapore PTE LTD tại KCN Sông Khoai (thị xã Quảng Yên), với tổng vốn đầu tư khoảng 250 triệu USD. Cả 02 dự án đều được cấp Giấy chứng nhận đầu tư chỉ trong **12 giờ** làm việc, kể từ thời điểm nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công của Tỉnh (**rút ngắn thời gian giải quyết 14 ngày làm việc so với quy định**).

**4. Tổ chức tạo lập, kết nối, chia sẻ dữ liệu về dân cư và cán bộ, công chức, viên chức trên quy mô quốc gia**

**4.1. Kết nối, chia sẻ dữ liệu về dân cư trên quy mô quốc gia**

Đến tháng 06/2023, với sự quyết tâm của Bộ Công an trong tổ chức triển

khai Đề án 06, CSDL quốc gia về Dân cư đã kết nối chính thức với **13** bộ, ngành<sup>5</sup>, **04** doanh nghiệp<sup>6</sup> và **63/63** địa phương để phục vụ khai thác thông tin dân cư. Tiếp nhận tổng số **1.014.473.517** yêu cầu để tra cứu, xác thực thông tin công dân. Trong đó, số yêu cầu tra cứu, xác thực có thông tin đúng (100% trùng khớp các thông tin) với CSDL quốc gia về Dân cư là **604.825.046** yêu cầu; có thông tin sai lệch là **409.648.471** yêu cầu. Việc khai thác CSDL quốc gia về Dân cư giúp tiết kiệm chi phí sao in hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; hạn chế việc di chuyển; thời gian chờ đợi; hạn chế việc phải kiểm tra xác minh mà sử dụng dữ liệu của các bộ, ngành để xác thực, xác minh thông tin trên giấy tờ tùy thân; tinh gọn cán bộ, công chức bộ tiếp dân, giảm tình trạng gặp gỡ trực tiếp, loại bỏ dần tình trạng “tham nhũng vặt”... kết quả là giúp tiết kiệm cho xã hội **hàng nghìn tỷ đồng**.

#### **4.2. Tạo lập, kết nối, chia sẻ dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức trên quy mô quốc gia**

- Tính đến hết ngày 30/06/2023, đã có **96** bộ, ngành, địa phương (**33** bộ, ngành và **63** tỉnh, thành phố) hoàn thành kết nối và đồng bộ dữ liệu với CSDL quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức. Trong đó, có **55** bộ, ngành, địa phương đã đồng bộ dữ liệu đạt 100% (gồm **07** bộ, ngành và **48** địa phương), các đơn vị còn lại đang tiếp tục đồng bộ dữ liệu về bảo đảm đủ số liệu của giai đoạn 1. Tổng số dữ liệu được đồng bộ tự động về CSDL quốc gia đến thời điểm này là **2.087.114** hồ sơ (trong đó bộ, ngành là **132.626/253.837** hồ sơ, đạt **50,25%**), địa phương là **1.974.488/2.030.095** hồ sơ, đạt **96,28%**).

- CSDL quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức được triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu trên quy mô quốc gia với tiến độ **thần tốc** (trong vòng 06 tháng đạt khoảng **95% cơ quan, đơn vị**) so với thời gian để các CSDL quốc gia trước đó đạt mức độ bao phủ tương tự. Đây là kết quả thể hiện sự quan tâm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, đặc biệt là sự “**quyết tâm**”, quyết liệt của Bộ Nội vụ; kết hợp sự phối hợp nhịp nhàng của các bộ, ngành, địa phương; năng lực triển khai hệ thống lớn của doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam.

### **5. Thúc đẩy người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến - “Chiến dịch 92 ngày đêm” tại tỉnh Bình Phước**

Bình Phước xét thấy rất nhiều nội dung liên quan đến chuyển đổi số, đặc biệt là một số nội dung về dịch vụ công trực tuyến đang ở mức thấp so với toàn quốc cũng như kế hoạch đề ra. Do vậy, Tỉnh đã quyết định tổ chức “**Chiến dịch 92**

<sup>5</sup> Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục Đào tạo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Y tế, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng, Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

<sup>6</sup> Tập đoàn điện lực Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Tổng Công ty viễn thông di động (MobiFone).

ngày đêm **Tổ CNSCĐ đi từng ngõ, gõ từng nhà hướng dẫn từng người sử dụng dịch vụ công trực tuyến**” nhằm tập trung nguồn lực, sức mạnh, thời gian giải quyết những công việc đang còn khó ở tỉnh Bình Phước và đã đạt được kết quả như sau:

- **Một là**, về tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ: Cấp tỉnh (các sở, ban, ngành) **99,52%** (vượt **19,52%** so với mục tiêu); Bộ phận một cửa cấp huyện **96,39%** (vượt **16,39%** so với mục tiêu); Văn phòng đăng ký đất đai cấp huyện **87,97%** (vượt **7,97%** so với mục tiêu); Bộ phận một cửa cấp xã **98,86%** (vượt **18,86%** so với mục tiêu).

- **Hai là**, về công tác số hóa hồ sơ: Trước Chiến dịch đạt **20%**, sau Chiến dịch, tỷ lệ này đối với cấp tỉnh đạt **98,05%**.

- **Ba là**, về thanh toán trực tuyến: Trong thời gian thực hiện Chiến dịch, bình quân 01 tháng thanh toán trực tuyến phí, lệ phí tăng gấp **15** lần số giao dịch, gấp hơn **08** lần số tiền so với trước Chiến dịch; thanh toán trực tuyến lĩnh vực đất đai tăng **1,9%** số giao dịch, tăng **69,2%** số tiền so với trước Chiến dịch. Tổng số thanh toán phí, lệ phí với **4.336** giao dịch (**764,7** triệu đồng), thanh toán nghĩa vụ tài chính với **18.615** giao dịch (**199,8** tỷ đồng).

- **Bốn là**, về triển khai các Tổ CNSCĐ: Căn cứ tình hình thực tế, UBND tỉnh đã quyết định kiện toàn, hợp nhất **956** Tổ công tác triển khai Đề án 06 và Tổ CNSCĐ tại cấp xã, cấp thôn/ấp để thống nhất thực hiện và **tận dụng tối đa nguồn nhân lực tại cơ sở**. Tổ CNSCĐ và triển khai Đề án 06 đã phát huy hiệu quả hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn người dân trên địa bàn đăng ký, sử dụng các DVCTT để giải quyết các TTHC.

- **Năm là**, các tỷ lệ được duy trì đến nay, trong đó, có các tỷ lệ đạt cao hơn như: Tỷ lệ DVC phát sinh hồ sơ trực tuyến toàn tỉnh: Cấp tỉnh đạt **100%** DVC đều phát sinh hồ sơ trực tuyến một phần và toàn phần; Các chi nhánh VPĐK đất đai đạt **97,6%**. Cấp huyện, xã đạt **99,8%**.

- **Sáu là**, kết thúc Chiến dịch, tỉnh Bình Phước đã thiết lập tài khoản và khai thác sử dụng các cổng dịch vụ công; tập huấn chữ ký số, các ứng dụng cho **163.410** thành viên tham gia. Từ bước ngoặt này, đến nay, toàn tỉnh đã có hơn **220** doanh nghiệp, hợp tác xã đưa **466** sản phẩm lên các sàn thương mại điện tử; ngành thuế đã chuẩn hóa dữ liệu hóa đơn điện tử cho hơn **8.000** doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

## **6. Nâng cao hiệu quả điều hành của lãnh đạo các cấp, thực thi công vụ của công chức**

### **6.1. Hệ thống thông tin báo cáo Quốc gia, Trung tâm thông tin chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ**

- Trong 06 tháng đầu năm 2023, Văn phòng Chính phủ đã xây dựng **05** án

phẩm Infographic báo cáo tình hình kinh tế - xã hội phục vụ phiên họp Chính phủ thường kỳ; phối hợp Bộ Công an kết nối thông tin tổng hợp về dân cư từ CSDL quốc gia về Dân cư theo tần suất **hàng tháng**, hiển thị trực quan dưới dạng Dashboard trên Hệ thống thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; Kết nối dữ liệu hàng tháng về tình hình sản xuất kinh doanh với Tổng Công ty Viễn thông Mobifone; tiếp tục xây dựng và cập nhật kho dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Đến tháng 06/2023, đã có **69/179** chế độ báo cáo được tích hợp hoặc nhập liệu trực tiếp trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ; Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã kết nối, liên thông với các hệ thống thông tin, CSDL quốc gia, chuyên ngành của **15** bộ, cơ quan, tập đoàn, tổng công ty nhà nước và **63** địa phương để cung cấp thông tin, dữ liệu trực tuyến theo **thời gian thực** với **38** chỉ tiêu thông tin trực tuyến; hình thành 04 bộ chỉ số điều hành; thống kê; theo dõi, giám sát kinh tế - xã hội địa phương; từ đó góp phần nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, lãnh đạo các cấp.

## **6.2. Triển khai “Trợ lý ảo” trong ngành Tòa án**

- Tòa án nhân dân tối cao đã chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu và triển khai thử nghiệm Trợ lý ảo đóng vai trò như một **thư ký riêng**, am hiểu pháp luật và chuyên môn nghiệp vụ của Tòa án, **làm việc 24/7** và luôn bên cạnh Thẩm phán, giao tiếp với Thẩm phán bằng ngôn ngữ tự nhiên thông qua điện thoại di động, máy tính cá nhân. Việc sử dụng “Trợ lý ảo” đã giúp tiết kiệm nhiều thời gian tra cứu, tìm kiếm, nghiên cứu, xử lý, ra quyết định đối với các vụ án được **đúng bản chất sự việc, đúng pháp luật**. Đây được coi là một bước đi có tính đột phá về chuyển đổi số của ngành Tòa án.

- Đến tháng 06/2023, “Trợ lý ảo” đã được huấn luyện tri thức như: Chỉ dẫn áp dụng pháp luật đối với từng điều luật của **226** Bộ Luật, Luật chuyên ngành; chỉ dẫn chi tiết đến mức điều khoản điểm cho **61** Bộ Luật, Luật; **221** văn bản ngoài Luật (Quyết định, Thông tư liên tịch, Pháp lệnh, Nghị định) có chỉ dẫn mức điều; **60** văn bản ngoài Luật (Quyết định, Thông tư liên tịch, Pháp lệnh, Nghị định) có chỉ dẫn mức khoản điểm; **52** án lệ và tích hợp **151.360** văn bản pháp luật từ trang luatvietnam.vn; **320** câu hỏi và trả lời chính thức từ nguồn các công văn giải đáp (2016-2021); gần **1.300** câu hỏi và trả lời về các tình huống pháp lý từ địa phương gửi lên và các nguồn khác; **1.180** quyết định giám đốc thẩm của Tòa án nhân dân tối cao, cấp cao và **1.161.556** bản án, quyết định lấy từ Trang thông tin công bố bản án, quyết định của Tòa án.

- Đến tháng 06/2023, Tòa án nhân dân tối cao đã cung cấp hơn **11.600** tài khoản cho thẩm phán và cán bộ, công chức của Tòa án sử dụng Trợ lý ảo; trong

đó đã cấp hơn **6.000** tài khoản cho tất cả Thẩm phán của Tòa án nhân dân các cấp và số còn lại cấp cho các Thẩm tra viên, Thư ký và các công chức khác trong hệ thống tòa án; đã có hơn **2,2** triệu tổng số lượt hỏi đáp; hơn **7.000** cán bộ, công chức sử dụng Trợ lý ảo; **63/63**<sup>7</sup> Tòa án nhân dân cấp tỉnh đã sử dụng; **1.640** lượt đánh giá trong đó có **1.241** lượt đánh giá tích cực chiếm **75%**, **319** đánh giá tương đối hài lòng chiếm **19%**. Giả sử mỗi lượt hỏi đáp giúp tiết kiệm được **5** phút công lao động so với tra cứu, tìm kiếm trên văn bản giấy, thì việc sử dụng trợ lý ảo trong ngành tòa án đã giúp tiết kiệm khoảng  $(2.200.000) \times (5/60) \sim 183.000$  (giờ công lao động)  $\times$   $(200.000 \text{ đồng/giờ công lao động theo thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam năm 2022}) \sim 36,7$  tỷ đồng.

## 7. Phát triển nguồn nhân lực số tại thành phố Đà Nẵng

Thành phố Đà Nẵng đã tổ chức phát triển nguồn nhân lực số một cách bài bản đáp ứng yêu cầu triển khai chuyển đổi số **nhanh và bền vững**:

- UBND thành phố đã ban hành Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số đến năm 2025<sup>8</sup>; trong đó xác định phát triển nguồn nhân lực trong **04** nhóm đối tượng: Các cơ quan nhà nước; các doanh nghiệp CNTT và doanh nghiệp sử dụng công nghệ số; các cơ sở giáo dục, đào tạo và trong cộng đồng xã hội.

- Trong nhóm cơ quan nhà nước: UBND thành phố đã ban hành Quyết định bổ sung chức năng, nhiệm vụ quản lý chuyển đổi số cho Sở TT&TT. **Mỗi sở, ngành, địa phương, các đơn vị trực thuộc bố trí công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin, an toàn thông tin.**

- Trong nhóm doanh nghiệp: Đến tháng 06/2023, tại thành phố hiện có **2,3** doanh nghiệp công nghệ số/1000 dân (đứng thứ hai sau Tp. Hồ Chí Minh; gấp **03** lần tỷ lệ trung bình cả nước là **0,7** doanh nghiệp CNS/1000 dân); tổng nhân lực CNTT thành phố khoảng **47.500** người (chiếm tỷ lệ **7,7%** tổng số lao động của thành phố).

- Trong nhóm cơ sở giáo dục, đào tạo: Hiện nay, thành phố có **20** trường đại học, cao đẳng có đào tạo về chuyển đổi số. Năm 2022, số lượng sinh viên tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học hơn **7.000** sinh viên. **100%** trường đại học đã chú trọng triển khai, hoàn thiện mô hình chuyển đổi số (quản trị số, kho học liệu số, dạy học trực tuyến, tuyển sinh trực tuyến, thi trực tuyến, thư viện trực tuyến, học bạ điện tử...). **100%** các cơ sở giáo dục phổ thông đã triển khai CSDL ngành giáo dục, phần mềm quản lý trường học, mỗi học sinh có mã ID gắn với học bạ điện tử, triển khai tuyển sinh đầu cấp trực tuyến, xây dựng kho tài nguyên

<sup>7</sup> 10 địa phương có số lượt sử dụng nhiều nhất: Điện Biên, Hà Nội, Trà Vinh, Bạc Liêu, Bến tre, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Kiên Giang, Tiền Giang, Khánh Hòa.

<sup>8</sup> Kế hoạch số 193/KH-UBND ngày 07/11/2022



số, bài giảng điện tử, triển khai Mạng lưới IoT giám sát trường học.

- Trong nhóm cộng đồng xã hội: Đến tháng 06/2023, **100%** phường, xã đã thành lập Tổ CNSCĐ đến từng thôn, tổ dân phố với gần **2.500** Tổ và **14.000** thành viên, trong đó Đoàn Thanh niên và nhân viên doanh nghiệp công nghệ số sống tại địa phương làm nòng cốt. Tổ CNSCĐ tổ chức ngày Hội cuối tuần tại khu dân cư để hỗ trợ người dân thực hiện các dịch vụ thiết thực: Nộp hồ sơ DVC, đăng ký tài khoản công dân số, VNeID, cấp mỗi người dân trường thành/mỗi hộ kinh doanh 01 mã QR nhận chuyển tiền qua mạng, đưa sản phẩm lên sàn thương mại; sử dụng các tiện ích nhận thông tin từ chính quyền, liên quan đến an sinh xã hội (mưa, ngập, cúp điện, nhà vệ sinh công cộng,...) hoặc góp ý, phản ánh cho chính quyền; **đặc biệt** xã Hòa Bắc (xã duy nhất của thành phố có đồng bào dân tộc) Tổ CNSCĐ giúp hộ **100%** gia đình dân tộc Cơ Tu thực hiện thủ tục cấp sổ đỏ quyền sử dụng đất.

### 8. Kiến tạo “Niềm tin số” với Nền tảng tín nhiệm mạng

- Trong 06 tháng đầu năm 2023, Nền tảng tín nhiệm mạng do Bộ TT&TT quản lý đã đạt được các kết quả: Có khoảng **212** triệu lượt người tiếp cận; tiếp nhận khoảng **508** triệu truy vấn; lượng băng thông tiếp nhận khoảng **11TB**; trung bình hằng ngày có khoảng **1,3** triệu lượt người tiếp cận (tương ứng với khoảng **15** người tiếp cận/giây), tiếp nhận, xử lý khoảng **3,1** triệu yêu cầu/ngày (khoảng **35** yêu cầu/giây).

- Hiệu quả mang lại là rất đáng ghi nhận, góp phần vào việc tạo **niềm tin** cho người dân, doanh nghiệp, cơ quan nhà nước thực hiện các giao dịch trên môi trường mạng, cụ thể:

+ **Một là**, giúp người sử dụng dịch vụ nhận diện cổng/trang thông tin điện tử, cung cấp dịch vụ tin cậy, hạn chế rủi ro bị lừa đảo.

+ **Hai là**, giúp tăng mức độ xác thực và tin cậy, giám sát, phát hiện sớm, từ đó có giải pháp khắc phục kịp thời một số vấn đề về mất an toàn thông tin mạng cho cổng/trang thông tin điện tử, cung cấp dịch vụ của tổ chức.

### 9. Bố trí nguồn kinh phí chi cho chuyển đổi số

- Theo số liệu trên HTTT về đầu tư sử dụng vốn nhà nước do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cung cấp<sup>9</sup>, tổng số vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước cho lĩnh vực công nghệ thông tin giai đoạn 2021 - 2025 khoảng **10.157** tỷ đồng, trong đó **8.312** tỷ đồng bố trí cho một số cơ quan trung ương, **1.845** tỷ đồng bố trí cho một số địa phương. Kinh phí trên là một trong các **điều kiện tiên quyết** để các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án, nhiệm vụ về chuyển đổi số... được triển khai bảo đảm đạt được mục tiêu, mang lại kết quả cụ thể để người dân, doanh nghiệp, cũng

<sup>9</sup> Công văn số 2438/BKHĐT-KCHTĐT ngày 13/4/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

như cơ quan nhà nước thật sự được thụ hưởng.

- Nguồn kinh phí chi cho chuyển đổi số bên trên có được là kết quả sự quan tâm chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, đặc biệt là sự cân đối, sắp xếp của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

### 10. Tăng tốc chuyển đổi số của các SME

Đến tháng 06/2023, đã có **138** nghìn doanh nghiệp SME sử dụng nền tảng của chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số (SMEdx) do Bộ TT&TT tổ chức, chiếm tỷ lệ **16%** tổng số doanh nghiệp trên cả nước và số lượng doanh nghiệp sử dụng đã tăng **70,7%** so với thời điểm đầu năm 2023. Kết quả này có được từ việc triển khai các sáng kiến:

- **Một là**, đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp dựa trên **04 “Một”**: **Một** bộ tiêu chí thống nhất, **Một** bộ công cụ đo lường, **Một** công hỗ trợ doanh nghiệp đánh giá trực tuyến mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp đầy đủ và toàn diện, **Một** mạng lưới tư vấn chuyển đổi số doanh nghiệp mạnh.

- **Hai là**, các nền tảng số hỗ trợ chuyển đổi số doanh nghiệp được cơ quan nhà nước **xác thực, công bố, quảng bá** thông qua chương trình SMEdx, từ đó các doanh nghiệp nhỏ và vừa **tin tưởng sử dụng**.

- **Ba là**, cảm nang hướng dẫn chuyển đổi số doanh nghiệp quảng bá những kinh nghiệm thành công và thất bại, hướng dẫn cụ thể trong từng ngành/lĩnh vực.

### 11. Nền tảng VTV Go

- VTV Go thể hiện được vị thế thuộc nhóm nền tảng **thống lĩnh thị trường**, năng lực cạnh tranh sòng phẳng các nền tảng số quốc tế.

- Tính đến 06/2023, VTV Go đã được cài đặt trên hơn **40** triệu thiết bị, sử dụng thường xuyên trên **08** triệu thiết bị, với hơn **07** triệu khán giả sử dụng hằng tháng, trong đó có gần **01** triệu khán giả đến từ nước ngoài. Từ 01/01/2023 đến 29/06/2023, VTV Go đã cung cấp **1,7** tỷ lượt xem, trung bình **280** triệu lượt xem/tháng. Hiện nay, VTV Go đã có mặt trên mọi hệ điều hành (Android, iOS, AndroidTV, Windows...), trên mọi thiết bị (điện thoại, tivi thông minh, laptop, máy tính bảng, box).

- Nền tảng VTV Go hình thành, phát triển chính là kết quả của sự chuẩn bị từ lâu của Đài Truyền hình Việt Nam, từ nguồn lực con người đến cơ sở hạ tầng kỹ thuật để Đài Truyền hình Việt Nam tiến hành chuyển đổi số toàn bộ các mặt hoạt động của mình nhằm đáp ứng các mục tiêu:

+ **Một là**, đổi mới toàn diện hệ thống sản phẩm nội dung từ nền tảng đã có.

+ **Hai là**, tiếp cận rộng và nhanh hơn với thị trường và công chúng.

+ **Ba là**, thúc đẩy các mô hình kinh doanh mới và tăng trưởng doanh thu trong bối cảnh quảng cáo truyền thông suy thoái.

+ **Bốn là**, giữ chân khách hàng trung thành và thu hút khách hàng tiềm năng.

+ **Năm là**, bồi đắp giá trị truyền thống, văn hóa và kiến tạo động lực đột phá, sức mạnh cạnh tranh.

## II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐẶT RA CỦA ỦY BAN QUỐC GIA NĂM 2023

Theo Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia tại Quyết định số 17/QĐ-UBQGČĐS, tổng cộng có **35** mục tiêu quan trọng được đặt ra trong năm 2023, trong đó:

- Số mục tiêu đã hoàn thành: **02/35**
- Số mục tiêu đã thực hiện trên 50%: **15/35**
- Số mục tiêu đã thực hiện dưới 50%: **18/35**

Cụ thể:

TT	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì	6/2023	Mục tiêu năm 2023
<b>I</b>	<b>DỮ LIỆU SỐ</b>			
1	Tỷ lệ bộ, ngành, địa phương ban hành danh mục cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý và kế hoạch, lộ trình cụ thể để xây dựng, triển khai các cơ sở dữ liệu trong danh mục	Bộ, ngành, địa phương	52,3% <sup>10</sup>	100%
2	Tỷ lệ bộ, ngành, địa phương ban hành kế hoạch về dữ liệu mở, bao gồm danh mục dữ liệu mở, kế hoạch công bố dữ liệu mở của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý và mức độ tối thiểu cần đạt được trong từng	Bộ, ngành, địa phương	19,7% <sup>11</sup>	100%

<sup>10</sup> Các bộ, ngành: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Xây dựng, Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban Dân tộc; các địa phương: An Giang, Bắc Giang, Bắc Kạn, Bình Định, Bình Phước, Bình Thuận, Cao Bằng, Cần Thơ, Đắk Lắk, Đắk Nông, Đồng Nai, Gia Lai, Hà Giang, Hà Nam, TP. Hà Nội, Hà Tĩnh, Hải Dương, Hậu Giang, Hòa Bình, Hưng Yên, Lạng Sơn, Long An, Ninh Bình, Ninh Thuận, Nghệ An, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Sóc Trăng, Tuyên Quang, Thái Bình, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Thừa Thiên-Huế, Vĩnh Long, Vĩnh Phúc, Yên Bái.

<sup>11</sup> Các bộ, ngành: Công an, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Việt Nam; các địa phương: TP. Hà Nội, TP. Đà Nẵng, Bắc Giang, Bắc Kạn, Cao Bằng, Lạng Sơn, Ninh Bình, Quảng Ngãi, Tuyên Quang, Vĩnh Long.

TT	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì	6/2023	Mục tiêu năm 2023
	giai đoạn của kế hoạch; cung cấp lần đầu dữ liệu mở theo kế hoạch			
3	Tỷ lệ bộ, ngành, địa phương cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu trên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (NDXP/LGSP)	Bộ, ngành, địa phương	14% <sup>12</sup>	100%
4	Tỷ lệ bộ, ngành, địa phương ban hành kế hoạch triển khai nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp cấp bộ, cấp tỉnh, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động	Bộ, ngành, địa phương	12% <sup>13</sup>	Trên 30%
5	Tỷ lệ bộ, ngành, địa phương triển khai chức năng kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh để người dân, doanh nghiệp chỉ phải cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến	Bộ, ngành, địa phương	60,5% <sup>14</sup>	Trên 80%
6	Tỷ lệ bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp nhà nước triển khai các hoạt động nâng cao năng lực phát triển và quản trị dữ liệu thuộc phạm vi quản lý	Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp nhà nước	13% <sup>15</sup>	100%

<sup>12</sup> Các bộ, ngành: Công an, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Tư pháp, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Lao động-Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

<sup>13</sup> Các bộ, ngành: Tài Chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước; các địa phương: Bắc Giang, Bình Phước, Cần Thơ, Đồng Tháp, Đắk Nông, TP. Đà Nẵng, Nam Định, Thái Nguyên.

<sup>14</sup> Các bộ, ngành: Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Giáo dục và Đào tạo, Xây dựng, Giao thông vận tải, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam; các địa phương: Bắc Giang, Bắc Ninh, Bến Tre, Bình Định, Bình Dương, Bình Phước, Cà Mau, Đắk Nông, Điện Biên, Đồng Nai, Đồng Tháp, Hà Nam, Hà Tĩnh, Hải Dương, Hậu Giang, Hoà Bình, Hưng Yên, Khánh Hòa, Kiên Giang, Kon Tum, Lạng Sơn, Lào Cai, Lâm Đồng, Nam Định, Phú Yên, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Sóc Trăng, Tây Ninh, Thái Bình, Thanh Hóa, Thừa Thiên - Huế, TP. Cần Thơ, TP. Đà Nẵng, TP. Hà Nội, TP. Hải Phòng, Tuyên Quang.

<sup>15</sup> Các bộ, ngành: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Ngân hàng Nhà nước; các địa phương: Bắc Ninh, Bắc Giang, Bình Phước, TP. Cần Thơ, TP. Đà Nẵng, Đồng Tháp, Khánh Hoà, Gia Lai, Nam Định, Ninh Bình, Quảng Ngãi Thái Nguyên.

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Cơ quan chủ trì</b>	<b>6/2023</b>	<b>Mục tiêu năm 2023</b>
7	Tỷ lệ cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học và các trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân đang hoạt động đào tạo các trình độ cao đẳng, đại học đã tiến hành rà soát các chương trình đào tạo để xem xét bổ sung, lồng ghép nội dung, chuẩn đầu ra về dữ liệu lớn, thiết kế, phân tích, xử lý dữ liệu phù hợp với đặc thù tương ứng của từng ngành, nghề đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo	-	100%
8	Tỷ lệ trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh giá an toàn thông tin và dán nhãn tín nhiệm mạng	Cơ quan nhà nước	58%	100%
<b>II</b>	<b>CHÍNH PHỦ SỐ</b>			
9	Tỷ lệ bộ, ngành, địa phương triển khai các hoạt động nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Bộ, ngành, địa phương	56,63% <sup>16</sup>	100%
10	Tỷ lệ bộ, ngành, địa phương hoàn thành triển khai hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh trên cơ sở hợp nhất công dịch vụ công và hệ thống một cửa điện tử	Bộ, ngành, địa phương	92,77% <sup>17</sup>	100%

<sup>16</sup> Các cơ quan đã ban hành kế hoạch hành động về DVCTT: các Bộ, ngành: Công an, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Ngân hàng nhà nước Việt Nam; các địa phương: An Giang; Lào Cai, TP. Đà Nẵng, Đắk Nông, Vĩnh Phúc, Thanh Hóa, Đồng Nai, Lai Châu, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế, Yên Bái, Cà Mau, Ninh Bình, Vĩnh Long, Kon Tum, Đồng Tháp, Quảng Bình, Ninh Thuận, Hà Nam, Gia Lai, Bến Tre, Hòa Bình, Bắc Giang, TP. Hải Phòng, Điện Biên, Hà Giang, Hà Tĩnh, Tuyên Quang, Long An, Bình Phước, Bình Thuận, Cao Bằng, Bình Định, TP. Hà Nội, Hậu Giang, Bình Dương, Đắk Lắk, Bắc Kạn.

<sup>17</sup> 05 bộ chưa hoàn thành: Tài chính, Nội vụ, Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động-Thương binh và Xã hội; 01 địa phương chưa hoàn thành: Bắc Kạn.

TT	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì	6/2023	Mục tiêu năm 2023
11	Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Bộ, ngành, địa phương	90,66% <sup>18</sup>	100%
	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Bộ, ngành Địa phương	28% 59,89%	40%
12	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công	Bộ, ngành Địa phương	58,93% 17,29%	30%
	Tỷ lệ thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Bộ, ngành Địa phương	23,7% 55,72%	60%
13	Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương	Bộ, ngành, địa phương	-	100%
14	Tỷ lệ kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	Bộ, ngành Địa phương	33,1% 23,56%	100%
	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được người dân, doanh nghiệp thực hiện trực tuyến từ xa	Bộ, ngành, địa phương	54,29%	50%
15	Tỷ lệ bộ, ngành, địa phương triển khai trợ lý ảo phục vụ hoạt động của cán bộ, công chức, viên chức và phục vụ người dân	Bộ, ngành, địa phương	18% <sup>19</sup>	Trên 30%

<sup>18</sup> Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện tính đến tháng 6/2023, 03 tỉnh chưa ban hành danh mục DVCTT toàn trình, một phần gồm: Hà Nội, Nam Định, Đắk Nông.

<sup>19</sup> Bộ Giao thông vận tải, Bảo hiểm xã hội Việt Nam; An Giang, Bạc Liêu, Bình Dương, Bình Phước, Hoà Bình, Kon Tum, Lai Châu, Lạng Sơn, Long An, Quảng Ngãi, Quảng Ninh, Tây Ninh, TP. Cần Thơ, TP. Đà Nẵng, TP. Hải Phòng, Vĩnh Phúc.

TT	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì	6/2023	Mục tiêu năm 2023
16	Tỷ lệ bộ, ngành, địa phương triển khai kết nối với hệ thống thông tin của đối tượng quản lý để thu thập dữ liệu trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật	Bộ, ngành, địa phương	-	Trên 30%
17	Tỷ lệ hoạt động kiểm tra hành chính định kỳ của cơ quan quản lý nhà nước đối với đối tượng quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	Bộ, ngành, địa phương	-	Trên 10%
18	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản	Bộ, ngành, địa phương	9,2%	Trên 50%
<b>III KINH TẾ SỐ</b>				
19	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP	Bộ Thông tin và Truyền thông	14,96%	Trên 16%
20	Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ	Bộ Công thương	7,2-7,8% <sup>20</sup>	Trên 8,5%
21	Tỷ lệ bộ, ngành, địa phương ban hành và tổ chức triển khai kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số thuộc phạm vi quản lý	Bộ, ngành, địa phương	41,9% <sup>21</sup>	100%
22	Tỷ lệ bộ, ngành, địa phương triển khai các hoạt động thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền	Bộ, ngành, địa phương	50,79% <sup>22</sup>	100%

<sup>20</sup> Bộ Công thương, Sách trắng Thương mại điện tử Việt Nam năm 2022

<sup>21</sup> Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông, Ngân hàng Nhà nước; Địa phương: An Giang, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bạc Liêu, Bến Tre, Bình Định, Bình Thuận, Cao Bằng, Đà Nẵng, Đắk Nông, Đồng Nai, Đồng Tháp, Gia Lai, Hà Nam, Hải Dương, Hải Phòng, Hậu Giang, Hòa Bình, Hưng Yên, Kon Tum, Lai Châu, Lạng Sơn, Long An, Nam Định, Nghệ An, Ninh Bình, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Sóc Trăng, Thanh Hóa, Thừa Thiên - Huế, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long, Vĩnh Phúc.

<sup>22</sup> An Giang, Bắc Kạn, Bình Dương, Bình Phước, Bình Thuận, Cà Mau, Cao Bằng, Đà Nẵng, Đắk Lắk, Đắk Nông, Đồng Nai, Đồng Tháp, Hà Giang, Hà Nam, Hưng Yên, Khánh Hòa, Kiên Giang, Lạng Sơn, Lâm Đồng, Nghệ An, Ninh Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Thái Bình, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Thừa Thiên-Huế, Tiền Giang, Tuyên Quang, Vĩnh Long, Vũng Tàu.

TT	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì	6/2023	Mục tiêu năm 2023
	mặt trong các cơ sở giáo dục, y tế thuộc phạm vi quản lý			
23	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa được tiếp cận dùng thử các nền tảng chuyển đổi số	Bộ Thông tin và Truyền thông	100%	Trên 90%
	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa thường xuyên sử dụng các nền tảng chuyển đổi số		-	Trên 30%
<b>IV</b>	<b>XÃ HỘI SỐ</b>			
24	Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh	Bộ Thông tin và Truyền thông	79,2%	Trên 80%
25	Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng	Bộ Thông tin và Truyền thông	76,93%	Trên 85%
26	Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử	Bộ Công an	60%	Trên 30%
27	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	Bộ Thông tin và Truyền thông	3%	Trên 20%
28	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	74,63% <sup>23</sup>	Trên 75%
29	Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản dịch vụ công trực tuyến	Văn phòng Chính phủ, Bộ Công an	-	Trên 60%
30	Tỷ lệ dân số trưởng thành sử dụng nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa	Bộ Y tế	-	Trên 30%
31	Tỷ lệ dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử	Bộ Y tế	-	Trên 80%

<sup>23</sup> Tính đến cuối năm 2020



TT	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì	6/2023	Mục tiêu năm 2023
<b>V</b>	<b>AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG</b>			
32	Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin	Bộ, ngành, địa phương	63%	Trên 80%
33	Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ	Bộ, ngành, địa phương	9,2%	Trên 30%
34	Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động thông minh có sử dụng phần mềm an toàn thông tin mạng cơ bản	Bộ Thông tin và Truyền thông	5,37%	Trên 20%
35	Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng có sử dụng giải pháp an toàn thông tin mạng cơ bản	Bộ Thông tin và Truyền thông	2,3%	Trên 10%

### III. SƠ KẾT CÔNG TÁC THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA

Trong 06 tháng đầu năm 2023, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ ngành, địa phương đã tập trung triển khai và đạt được một số kết quả như sau:

#### 1. Chính phủ số

##### 1.1. Thẻ chế số

###### a) Kết quả đạt được:

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương đã thể hiện quyết tâm, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thiện thẻ chế nhằm tạo lập hành lang pháp lý giúp kiến tạo sự phát triển trên không gian mới (không gian số), giải quyết các vấn đề phát sinh từ thực tiễn chuyển đổi số thời gian vừa qua, giải quyết các “điểm nghẽn” nhằm thúc đẩy chuyển đổi số nhanh tại Việt Nam. Thẻ hiện cụ thể: **01 Luật, 01 Nghị định, 02 Chỉ thị, 01 Công điện, 07 Nghị quyết, 11 Thông báo kết luận** của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ đã được ban hành.

###### b) Việc chưa làm tốt:

Việc tổ chức thực hiện **19** Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư còn chậm, chưa đầy đủ, đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực. Phần lớn các bộ, ngành, chưa hoàn thành

việc rà soát cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, giấy tờ liên quan đến quản lý dân cư, chưa công bố để các địa phương thực hiện. Dẫn đến, người dân, doanh nghiệp vẫn phải nộp giấy tờ liên quan ở dạng bản giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, sử dụng dịch vụ công, nhiều trường hợp còn làm tăng thêm việc, tăng thêm thời gian xử lý.

c) *Bài học kinh nghiệm*: Từ kết quả xây dựng Luật Giao dịch điện tử sửa đổi, Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, có thể rút ra bài học kinh nghiệm về việc xây dựng hoàn thiện thể chế để đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số: “**Thể chế số phải đi trước một bước để giúp chuyển đổi số quốc gia nhanh hơn, bền vững hơn**”; cách tiếp cận “**Một văn bản điều chỉnh nhiều văn bản**”, “phát hiện ra sự bất cập, lạc hậu thì sửa ngay **theo quy trình rút gọn**, sửa từng điểm thì sẽ sửa đúng và nhanh hơn, từ đó sẽ phản ánh được hơi thở của cuộc sống”.

## 1.2. Nhận thức số

### a) Kết quả đạt được:

- **100%** các bộ, ngành, địa phương đã thiết lập, thường xuyên duy trì và phát triển hoạt động của các chuyên trang, chuyên mục về chuyển đổi số trên Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, địa phương. Các nội dung đăng tải phong phú, đa dạng, tuyên truyền về chuyển đổi số trong rất nhiều ngành, nghề, lĩnh vực, góp phần lan tỏa lĩnh vực chuyển đổi số trong cộng đồng xã hội, mang lại tác động tích cực đến các tầng lớp nhân dân.

- Các bộ, ngành, địa phương đã đồng bộ sử dụng biểu trưng Chuyển đổi số quốc gia do Bộ TT&TT đã công bố năm 2022 trên các kênh truyền thông về chuyển đổi số do cơ quan, đơn vị quản lý, trong các ấn phẩm truyền thông, hệ thống tài liệu, học liệu phục vụ tập huấn và bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số, phổ cập kỹ năng số cộng đồng.

- Một số địa phương đã ban hành Kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số năm 2023, trong đó xác định cụ thể những mục tiêu, nhiệm vụ cần thực hiện nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; gắn đào tạo, bồi dưỡng với nhu cầu và định hướng phát triển lâu dài.

- Tháng 02/2023, Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh đã phát động Tháng Thanh niên năm 2023 với chủ đề "Tuổi trẻ tiên phong chuyển đổi số" trong toàn Đoàn và thanh niên cả nước. Tháng Thanh niên năm 2023 là dịp để tăng cường chuyển đổi số đồng bộ trên tất cả các mặt công tác của Đoàn, phát huy vai trò của

thanh niên tham gia tích cực công cuộc chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số. Với tinh thần xung kích, tình nguyện, khả năng sáng tạo của thanh niên trong tham gia thực hiện các công trình, phần việc góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chuyên môn và tham gia phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Đồng thời, các cấp bộ Đoàn đã phát huy vai trò của thanh niên trong tham gia tích cực công cuộc chuyển đổi số, vận dụng, ứng dụng công nghệ số trong thực tiễn cuộc sống và nâng cao năng lực số cho thanh thiếu nhi. Công tác truyền thông về Tháng Thanh niên năm 2023 được thực hiện hiệu quả trên nhiều nền tảng, thu hút sự quan tâm của đông đảo đoàn viên, thanh niên và các tầng lớp nhân dân. Nhân dịp này, các cơ quan báo chí chủ lực cũng có nhiều tuyến bài, chuyên đề đa dạng, phong phú, hấp dẫn về chủ đề “Tuổi trẻ tiên phong trong chuyển đổi số”.

- Bộ TT&TT thực hiện xây dựng báo cáo Tổng kết thí điểm triển khai Tổ Công nghệ số cộng đồng và định hướng triển khai năm 2023. Nội dung báo cáo đã tổng kết, đánh giá những kết quả đạt được, hạn chế còn tồn tại, rút ra các bài học kinh nghiệm chung và bài học kinh nghiệm riêng tiêu biểu của một số địa phương trong triển khai thí điểm Tổ Công nghệ số cộng đồng năm 2022. Bộ TT&TT cũng nêu rõ các hoạt động hỗ trợ của Bộ TT&TT, một số giải pháp, nhiệm vụ nhằm tiếp tục thúc đẩy hoạt động Mạng lưới Tổ CNSCĐ trên toàn quốc để hỗ trợ mạnh mẽ trong việc triển khai các nhiệm vụ, giải pháp quy mô quốc gia về chuyển đổi số tại địa phương, hướng đến tăng cường năng lực, thiết lập công cụ số, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành viên Tổ CNSCĐ hoạt động. Báo cáo đã được gửi tới UBND, Đoàn Thanh niên, Sở TT&TT 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Bộ TT&TT tiếp tục thực hiện phát triển Kênh Zalo OA “Chuyển đổi số quốc gia” trên nền tảng Zalo. Kênh truyền thông cập nhật thường xuyên các thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ cán bộ, công chức, viên chức, thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng (chính sách, pháp luật, bài toán, sáng kiến, cách làm đột phá, sáng tạo trong chuyển đổi số) với mong muốn thúc đẩy tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức chuyển đổi số. Nhiều bài viết trên Kênh được đánh giá cao với nhiều lượt tương tác. Đến tháng 6/2023, kênh đã đạt **140.000** người quan tâm, mỗi bài đăng trung bình có hơn **10.000** lượt tương tác. Triển khai kênh Zalo OA trong năm 2023 có nhiều đổi mới về hình thức bài đăng, sử dụng chủ yếu là các infographic thông tin đồ họa sinh động, trực quan, các bài viết có văn phong gần gũi, giản dị để phù hợp hơn với đại chúng. Hiện nay, Kênh đang duy trì bài đăng hằng ngày. Các bài đăng trên Kênh cũng được các địa phương chia sẻ, lan tỏa rộng rãi tới các Tổ CNSCĐ và người dân.

- Bên cạnh Kênh Zalo OA, Bộ TT&TT xuyên cập nhật, đăng tải các bài viết, tin tức, nội dung về chuyển đổi số, công nghệ mới, cũng như các bài học, kinh nghiệm, sáng kiến hay trong triển khai chuyển đổi số thông qua hệ thống các

Kênh: Cổng thông tin điện tử Chuyển đổi số quốc gia (dx.gov.vn), Trang thông tin điện tử Cục Chuyển đổi số quốc gia (địa chỉ miền mới: vndx.gov.vn thay thế địa chỉ cũ aita.gov.vn), các kênh Viber, LukLak, Fanpage Facebook. Bộ TT&TT thực hiện xây dựng và phát hành các báo cáo chuyên đề gửi các đồng chí thành viên Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số, Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số các bộ, ngành, địa phương. Các nội dung chuyên đề gắn với chủ đề năm Dữ liệu số quốc gia 2023, các vấn đề trọng tâm, tiêu biểu trong chuyển đổi số.

- Ngày 05/06/2023, Bộ TT&TT với vai trò là Cơ quan thường trực của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số đã tổ chức phiên họp chuyên đề của Ủy ban về **Thay đổi căn bản cung cấp dịch vụ công trực tuyến** nhằm nâng cao chất lượng cung cấp và hiệu quả sử dụng, cụ thể:

+ Phiên họp đã làm rõ một số nội dung bám sát theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan Nhà nước trên môi trường mạng để các bộ, ngành, địa phương từ đó có kế hoạch, phương án triển khai hiệu quả. Tại phiên họp, đã chỉ ra **02** nội dung căn bản nhất của DVCTT là trực tuyến toàn trình và chất lượng dịch vụ trực tuyến thông qua các định nghĩa đơn giản, dễ hiểu, dễ tiếp cận; đồng thời chỉ ra những cách tiếp cận mới, hiệu quả, thiết thực mà chuyển đổi số đã và đang mang lại cho hoạt động này.

+ Phiên họp chuyên đề cũng đã thống nhất nhiều giải pháp quan trọng mà các bộ, ngành, địa phương sẽ tập trung triển khai trong thời gian tới. Bên cạnh đó, các bộ, ngành, địa phương cũng đã đóng góp, chia sẻ một số bài học kinh nghiệm hay trong cách triển khai DVCTT thể hiện nhận thức và góc nhìn đa chiều, nhiều màu sắc, cùng một số nghiên cứu về công cụ đo lường, đánh giá hoạt động triển khai DVCTT, từ đó nhận được rất nhiều sự quan tâm, ý kiến đóng góp từ các bộ, ngành, địa phương.

+ Đây là lần đầu tiên Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số tổ chức phiên họp chỉ tập trung vào một chủ đề cụ thể - Dịch vụ công trực tuyến, đây là một cách tiếp cận mới trong hoạt động của Ủy ban, không chỉ tạo sự đột phá nhằm thay đổi căn bản về DVCTT, mà còn là cách tiếp cận mới nhằm nâng cao nhận thức, xác định được tầm quan trọng, cần sự vào cuộc mạnh mẽ, quyết liệt hơn nữa của các bộ, ngành, địa phương để cùng nhau giải quyết bài toán DVCTT Việt Nam, đặt mục tiêu hoàn thành các nhiệm vụ được giao trước năm 2025.

*b) Việc chưa làm tốt:*

- Nhiều bộ, ngành, địa phương chưa chủ động trong việc triển khai các hoạt động nâng cao nhận thức, bồi dưỡng, tập huấn chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

- Công tác truyền thông, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho nhóm đối tượng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa còn hạn chế.

c) *Bài học kinh nghiệm*: Từ kết quả của thành phố Đà Nẵng, để tạo sự chuyển biến căn bản trong nhận thức số có thể áp dụng phương châm hành động **3 cần**: (1) Một là, **cần** sự gương mẫu và vào cuộc của cả hệ thống chính trị, quyết tâm cao nhất của cấp ủy, người đứng đầu các cơ quan, vai trò tiên phong của mỗi cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên thanh niên, Tổ Công nghệ số cộng đồng; (2) Hai là, **cần** xây dựng **chiến lược, kế hoạch truyền thông tổng thể** về chuyển đổi số để triển khai nhất quán, xuyên suốt toàn thành phố; (3) Ba là, **cần** nội dung truyền thông đảm bảo yếu tố **đại chúng, ngắn gọn, gần gũi, dễ hiểu, có chủ đề, chủ điểm**, hình thức truyền thông **đa dạng, đa kênh**, chú trọng các kênh truyền thông số, các mô hình tuyên truyền trực quan sinh động.

### **1.3. Hạ tầng số**

#### *a) Kết quả đạt được:*

- Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước kết nối **04** cấp hành chính tiếp tục được phát triển, tạo hạ tầng truyền dẫn ổn định, an toàn kết nối các hệ thống thông tin phục vụ Chính phủ số. Đến nay, Mạng đã kết nối đến **100%** huyện, **100%** xã trên toàn quốc.

- Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ Chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây: **71,43%**. Việt Nam có **9** doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu, **43** trung tâm dữ liệu trên toàn quốc, với tổng số **571** nghìn máy chủ, **54,7** triệu lõi vật lý.

- Tốc độ truy cập mạng băng rộng cố định đạt **93,31** Mbps, tăng **29,98%** so với cùng kỳ năm **2022**, xếp thứ **42** và cao hơn trung bình thế giới là **79,28** Mbps.

- Tốc độ truy cập mạng băng rộng di động đạt **47,27** Mbps, tăng **33,95%** so với cùng kỳ năm **2022**, xếp thứ **47** và cao hơn trung bình thế giới là **42,3** Mbps.

- Các doanh nghiệp viễn thông di động đã triển khai phủ sóng được **2.416/3.924** thôn lốm sóng viễn thông, trong đó có **2.418** thôn lốm sóng giai đoạn **2021-2022** và phát sinh mới **1.506** thôn giai đoạn **2022-2023**.

- Số thuê bao di động sử dụng dịch vụ Mobile Money: **4,1** triệu.

- Kết quả triển khai chương trình “Sóng và máy tính cho em”: Bộ TT&TT đã trao đổi, thống nhất với Bộ Giáo dục và Đào tạo đề xuất phương án chuyển hướng hỗ trợ thiết bị cho các học sinh, sinh viên hộ nghèo tiếp cận thông tin từ Chương trình “Sóng và máy tính cho em”.

*b) Việc chưa làm tốt:*

- Tốc độ mạng băng rộng cố định, di động vẫn là mức trung bình khá của thế giới, chưa tạo bước đột phá về hạ tầng phục vụ chuyển đổi số quốc gia.

- Đa phần trung tâm dữ liệu, phòng máy chủ chưa đáp ứng được yêu cầu về sự ổn định, tin cậy, an toàn thông tin mạng, dẫn đến có hiện tượng chậm, nghẽn trong xử lý.

- Việc xóa vùng lờm sóng viễn thông và cung cấp máy tính trong Chương trình "Sóng và máy tính cho em" chưa hoàn thành.

*c) Bài học kinh nghiệm:*

Hạ tầng số là một trong yếu tố quyết định chất lượng ứng dụng, dịch vụ số và cần phải **đi trước một bước, làm tập trung, làm nhanh, làm đồng bộ, hiện đại, sử dụng điện toán đám mây**, tránh việc đầu tư nhỏ lẻ, manh mún. Xây dựng hạ tầng luôn là **việc lớn, việc khó**, do vậy, cần có cách tiếp cận tương xứng. Tỉnh Quảng Ninh đã đưa chủ trương, định hướng xây dựng, phát triển hạ tầng số vào Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ Tỉnh để thể hiện sự **thống nhất trong nhận thức, quyết tâm ở lãnh đạo cấp cao nhất**, từ đó dẫn đến sự thống nhất, quyết tâm trong lãnh đạo, chỉ đạo, hành động xuyên suốt từ cấp tỉnh đến cấp xã.

**1.4. Dữ liệu số**

*a) Kết quả đạt được:*

Các CSDL quốc gia ưu tiên triển khai, kết nối, chia sẻ phục vụ triển khai các dịch vụ cơ bản, thiết yếu cho người dân và doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả quản lý, chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu, đã được các bộ, ngành đẩy mạnh triển khai, cụ thể:

- CSDL quốc gia về Dân cư: Như đã trình bày tại Mục 4, Phần I.

- CSDL quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp: Hiện chứa thông tin đăng ký doanh nghiệp theo thời gian thực của hơn **01** triệu doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc và không ngừng được hoàn thiện; đến tháng 06/2023, đã kết nối với **12** bộ, ngành<sup>24</sup> và **63/63** địa phương phục vụ xử lý thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nâng cao hiệu quả quản lý, chỉ đạo, điều hành.

- CSDL quốc gia về Bảo hiểm: Đến tháng 06/2023, đã hoàn thành xác thực thông tin của hơn **75** triệu nhân khẩu với CSDL quốc gia về dân cư. Về việc triển khai thí điểm khám chữa bệnh Bảo hiểm y tế (BHYT) bằng Căn cước công dân gắn chip, tính đến tháng 06/2023, toàn quốc đã có **12.434/13.068** cơ sở khám chữa

<sup>24</sup> Bộ Công an, Văn phòng chính phủ, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Y tế, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Công Thương, Bộ Lao động-Thương binh xã hội, Ngân hàng nhà nước, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Kiểm toán nhà nước.

bệnh BHYT thực hiện tra cứu thông tin thẻ BHYT bằng Căn cước công dân gắn chip, với **36.412.474** lượt sử dụng thẻ căn cước công dân gắn chip để khám chữa bệnh trên toàn quốc.

- CSDL hộ tịch điện tử toàn quốc: Tính đến ngày 21/06/2023, trên Hệ thống đăng ký và quản lý hộ tịch đã có **42.191.471** dữ liệu đăng ký khai sinh, trong đó có **8.873.051** trẻ em được cấp Số định danh cá nhân theo quy định, **5.004.800** hồ sơ khai sinh có số định danh cá nhân được chuyển sang hệ thống của Bảo hiểm xã hội; **10.444.538** dữ liệu đăng ký kết hôn; **7.211.352** dữ liệu đăng ký khai tử và **10.265.428** dữ liệu khác.

- CSDL đất đai quốc gia: **63/63** tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đang triển khai xây dựng CSDL đất đai, trong đó có 219/705 đơn vị hành chính cấp huyện đã hoàn thành việc xây dựng CSDL địa chính và đưa vào quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng. Bộ Tài nguyên và Môi trường đang triển khai dự án “*Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai*” với 231 huyện của 28 tỉnh. Đến tháng 6/2023, đã hoàn thành CSDL đất đai với đầy đủ 4 thành phần của **141/231** huyện<sup>25</sup> (đạt 61%) thuộc 23 tỉnh thành phố<sup>26</sup>. Tính đến ngày 09/06/2023, đã hoàn thành thêm **69** huyện (*đang tiến hành công tác nghiệm thu, đưa vào vận hành*), tổng cộng đạt **210/231** huyện (90%). Dự kiến đến hết tháng 6/2023 hoàn thành **231/231** huyện. Như vậy, tính đến ngày 09/06/2023, trên cả nước đã có cơ sở dữ liệu của **429/705** huyện.

- CSDL quốc gia về tài chính: Bộ Tài chính đã xây dựng, hoàn thiện các CSDL chuyên ngành phục vụ Đề án xây dựng CSDL quốc gia về tài chính (bao gồm **12** CSDL chuyên ngành). Đến tháng 6/2022, Bộ Tài chính đã hoàn thành xây dựng và đã đưa vào triển khai sử dụng **09** CSDL chuyên ngành; **03** CSDL chuyên ngành đang tổ chức nâng cấp và hoàn thiện.

- CSDL quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức: Như đã trình bày tại Mục 4, Phần I.

- Về kết nối, chia sẻ dữ liệu qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP): NDXP đã kết nối với hệ thống của **98** cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; **09** CSDL và **14** hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu. Tổng số giao dịch thực hiện thông qua NDXP tính đến hết tháng 6/2023, đạt **286.991.573** giao

<sup>25</sup> 141 huyện: Cao Bằng (2), Thái Nguyên (8), Lào Cai (9), Sơn La (5), Bắc Giang (2), Thái Bình (8), Hà Nam (6), Nam Định (5), Ninh Bình (3), Hải Phòng (6), Nghệ An (7), Hà Tĩnh (7), Quảng Trị (9), Quảng Ngãi (2), Khánh Hòa (2), Đắk Lắk (3), Tây Ninh (6), Tiền Giang (2), Bến Tre (9), Trà Vinh (9), Long An (15), Vĩnh Long (4), An Giang (11) riêng tỉnh Bắc Ninh (2) huyện không thực hiện tiếp.

<sup>26</sup> 10 tỉnh hoàn thành công tác xây dựng CSDL đất đai gồm: Lào Cai (9/9), Thái Bình (8/8), Hà Nam (6/6), Ninh Bình (3/3), Quảng Trị (9/9), Tây Ninh (6/6), An Giang (11/11), Long An (15/15), Bến Tre (9/9), Trà Vinh (9/9).

dịch (279.790.571 giao dịch thành công<sup>27</sup>, 7.201.002 giao dịch thất bại<sup>28</sup>); trung bình hằng ngày có khoảng **1,59** triệu giao dịch thực hiện thông qua nền tảng. Tổng số giao dịch thực hiện thông qua NDXP từ khi đưa vào sử dụng đến nay là hơn **1,328** tỷ giao dịch.

*b) Việc chưa làm tốt:* Việc triển khai, đưa vào khai thác trên quy mô quốc gia CSDL đất đai quốc gia, CSDL quốc gia về tài chính còn chậm, chưa đồng bộ với các cơ sở dữ liệu quốc gia khác, chưa đạt được kỳ vọng của Chính phủ, của xã hội.

*c) Bài học kinh nghiệm:* Từ kết quả triển khai tạo lập, kết nối, chia sẻ dữ liệu trên quy mô quốc gia về dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức do Bộ Nội vụ chủ trì thực hiện trong **06** tháng đầu năm 2023, có thể rút ra bài học về phương châm hành động trong triển khai CSDL quốc gia: “**Có quyết tâm, có con đường**”. Thực tế, trong nhiều năm việc triển khai các CSDL quốc gia tạo nền tảng phát triển chính phủ điện tử, thúc đẩy chuyển đổi số Việt Nam còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu cuộc sống. Điển hình, CSDL quốc gia về Dân cư, “**khởi động**” từ những năm 2010, mất đến khoảng **10** năm để “**vượt chướng ngại vật**”, bắt đầu “**tăng tốc**” từ năm 2020, kết quả sau chiến dịch thần tốc, **đầy quyết tâm** với **500** ngày đêm, CSDL quốc gia về Dân cư được hoàn thành, đưa vào khai thác (từ tháng 7/2021). Để có được kết quả triển khai CSDL quốc gia về Dân cư, Đề án 06 (13 bộ, ngành, 63/63 địa phương, 04 doanh nghiệp kết nối, khai thác) như hiện tại thì một trong các yếu tố quan trọng nhất, có tính quyết định là sự quyết tâm của Bộ Công an.

### **1.5. Dịch vụ công trực tuyến**

*a) Kết quả đạt được:*

- DVCTT toàn trình: Trong 06 tháng đầu năm 2023, các bộ, ngành, địa phương tiếp tục đẩy mạnh cung cấp DVCTT theo hướng toàn trình quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/06/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng. Với sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự nỗ lực của các bộ, ngành, địa phương, tỷ lệ DVCTT toàn trình trên tổng số đủ điều kiện là **90,66%**.

- Cổng Dịch vụ công quốc gia:

+ Văn phòng Chính phủ đã phối hợp với Bộ Công an và các cơ quan có liên quan tích hợp, cung cấp **25/25** dịch vụ công thiết yếu theo Đề án số 06 và **10/28**

<sup>27</sup> 01 giao dịch thành công ứng với 01 lượt truy vấn của bên sử dụng dịch vụ chia sẻ dữ liệu và nhận lại được dữ liệu từ bên cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu.

<sup>28</sup> 01 giao dịch thất bại ứng với 01 lượt truy vấn của bên sử dụng dịch vụ chia sẻ dữ liệu và không nhận lại được dữ liệu từ bên cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu do các lỗi như: hệ thống cung cấp dịch vụ bị lỗi, đường truyền bị lỗi, lỗi về xác thực, quyền khai thác dịch vụ, lỗi về định dạng dữ liệu của bên khai thác dịch vụ...



dịch vụ công theo Quyết định số 422/QĐ-TTg, hiện còn **18/28** thủ tục, nhóm TTHC<sup>29</sup> chưa được các bộ ngành hoàn thiện việc tái cấu trúc quy trình, cung cấp DVCTT trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

+ Đặc biệt, việc công khai kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC, cung cấp DVC tại bộ, ngành, địa phương theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ đã góp phần vào quá trình minh bạch hóa thông tin, nâng cao trách nhiệm giải trình và thực thi công vụ của từng cán bộ, công chức trong tiếp nhận, giải quyết TTHC tại các bộ, ngành, địa phương. Theo đó, định kỳ hằng tháng các bộ, ngành địa phương thực hiện công khai danh sách cơ quan, tổ chức, cá nhân chậm muộn trong giải quyết TTHC, DVC trên Cổng Thông tin điện tử, các hồ sơ TTHC để chậm, muộn đều phải có báo cáo giải trình lý do với người đứng đầu cơ quan, đơn vị và thực hiện xin lỗi người dân theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

+ Văn phòng Chính phủ đã thực hiện công khai kết quả đánh giá của các bộ, ngành, địa phương trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo đúng dữ liệu đã được bộ, ngành, địa phương tích hợp, đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia để người dân, doanh nghiệp theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện. Theo số liệu xếp hạng theo thời gian thực trên Cổng Dịch vụ công quốc gia tính đến 12h ngày 23/06/2023, **10** tỉnh có điểm đánh giá chung cao nhất gồm: Cà Mau, Hà Nam, Hòa Bình, Bắc Giang, Thái Nguyên, Lâm Đồng, Yên Bái, Nam Định, Lào Cai, Tây Ninh; **10** tỉnh có điểm đánh giá chung thấp nhất gồm: Đắk Nông, Vĩnh Long, Bạc Liêu, Gia Lai, Đồng Nai, Tuyên Quang, Bình Thuận, Kiên Giang, Trà Vinh, Đồng Tháp.

+ Việc cung cấp DVCTT trên Cổng Dịch vụ công quốc gia có chuyển biến rõ rệt. Hiện Cổng Dịch vụ công quốc gia đã kết nối, tích hợp với 150 CSDL, HTTT của các cơ quan, đơn vị; công khai toàn bộ hơn **6,4 nghìn** thủ tục hành chính, trong đó đã tích hợp, cung cấp trên **4,4 nghìn** DVCTT (chiếm hơn 67%); Trong 06 tháng đầu năm 2023, Cổng đã có hơn **3,6 triệu** tài khoản đăng ký; hơn **55,98 triệu** hồ sơ đồng bộ trạng thái; hơn **7,88 triệu** lượt thực hiện các dịch vụ tiện ích; hơn **9,75 triệu** hồ sơ trực tuyến thực hiện từ Cổng; hơn **6,8 triệu** giao dịch thanh toán trực tuyến với số tiền hơn **2,39 nghìn** tỷ đồng. Lũy kế đến nay, Cổng có hơn **7,77 triệu** tài khoản (tăng hơn **3,8** lần so với cùng kỳ năm ngoái); hơn **212 triệu** hồ sơ đồng bộ (tăng hơn **1,76** lần so với cùng kỳ năm ngoái); hơn **17,49 triệu** lượt thực hiện các dịch vụ tiện ích (tăng hơn **3** lần so với cùng kỳ năm

<sup>29</sup> Gồm: Bộ Tài nguyên và Môi trường có **03** thủ tục, nhóm thủ tục; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có **02** thủ tục; Bộ Tài chính có **02** thủ tục; Bộ Kế hoạch và Đầu tư có **03** thủ tục, nhóm thủ tục; Bộ Y tế có **02** thủ tục, nhóm thủ tục; Bộ Tư pháp có **02** thủ tục, nhóm thủ tục; Bảo hiểm Xã hội Việt Nam có **02** thủ tục; Tập đoàn Điện lực Việt Nam có **01** thủ tục; Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam có **01** thủ tục.

ngoái); **17,72 triệu** hồ sơ trực tuyến từ Công (tăng hơn **4,4** lần so với cùng kỳ năm ngoái); hơn **10,98 triệu** giao dịch thanh toán trực tuyến với số tiền hơn **6,056 nghìn tỷ đồng** (tăng hơn **3** lần so với cùng kỳ năm ngoái); hơn **315 nghìn** cuộc gọi tới tổng đài.

*b) Việc chưa làm tốt:*

- Tỷ lệ DVCTT toàn trình đưa vào sử dụng để người dân có thể tự thực hiện 100% các bước tại nhà còn thấp; chất lượng DVCTT (đơn giản, thuận tiện, nhanh, an toàn, an ninh mạng) còn thấp, chưa đạt kỳ vọng của người dân, doanh nghiệp khi so sánh dịch vụ thuộc khu vực tư.

- Tỷ lệ hồ sơ DVCTT toàn trình còn thấp (đạt khoảng **35%**), chưa giảm tải cho công chức tại bộ phận một cửa, cán bộ nghiệp vụ; nhiều trường hợp làm tăng công việc khi phải xử lý song song trên bản giấy và bản điện tử, dẫn đến gây khó khăn, bức xúc cho cả công chức và người dân, doanh nghiệp. Điển hình là việc người dân thành phố Hà Nội xếp hàng từ **4h sáng** để nộp hồ sơ cấp phiếu lý tư pháp, công chức tư pháp nhiều địa phương phải làm việc ngoài giờ hành chính để nhập, xử lý nghiệp vụ trên nhiều phần mềm.

*c) Bài học kinh nghiệm:* Từ thực tiễn triển khai DVCTT thời gian qua, có thể nhận thấy **thói quen ngại thay đổi** là một trong các rào cản lớn nhất và để có thể thuyết phục người dân, doanh nghiệp **thay đổi thói quen** thì cần: (1) Chính cơ quan nhà nước phải  **gương mẫu thay đổi mình**; (2) Chất lượng của DVCTT phải **tốt như dịch vụ của khu vực tư**:

- Gương mẫu thay đổi mình: (1) Nhận thức từ lấy mình làm trung tâm sang lấy **người sử dụng làm trung tâm**; (2) Thái độ từ ban phát sang **phục vụ**; (3) Hành động từ thờ ơ sang coi cái khó của người dân doanh nghiệp là **cái khó của chính mình** cần phải giải quyết; (4) Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, thành viên Tổ CNSCĐ cần  **gương mẫu, đi đầu, quyết liệt, sáng tạo, tự mình sử dụng DVCTT** của mình làm ra, “**cầm tay chỉ việc**” giai đoạn đầu còn bỡ ngỡ, rồi sẽ **thành thói quen** và người dân, doanh nghiệp có thể tự làm 100% các bước từ nhà mà không cần đến cơ quan nhà nước; (5) Cần “phát huy sức mạnh bên trong, **kết hợp sức mạnh bên ngoài**” thông qua việc huy động các nguồn lực xã hội hóa như: hỗ trợ điện thoại thông minh; tiền điện thoại, biểu dương, khen thưởng kịp thời... cho những thành viên tham gia Tổ CNSCĐ, để họ yên tâm cống hiến trong hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng.

- Lúc bắt đầu thì có thể “**trăm hoa đua nở**” các hệ thống cung cấp DVCTT để khuyến khích sự phát triển, tìm ra được mô hình chuẩn; để đi xa, bền vững thì cần **kiểm soát chặt về chất lượng dịch vụ**, hướng đến mô hình nền tảng số thống nhất về  **nghiệp vụ, dữ liệu, ứng dụng, công nghệ, chất lượng**.

## **1.6. Ứng dụng, dịch vụ nội bộ**

### **a) Kết quả đạt được:**

Các ứng dụng, dịch vụ nội bộ tiếp tục được đẩy mạnh sử dụng, giúp nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo, thực thi công vụ của công chức, viên chức, góp phần cải cách hành chính, hướng đến nền hành chính hiện đại, thông minh, không giấy tờ, cụ thể:

- Trục liên thông văn bản quốc gia:

+ **100%** các bộ, ngành, địa phương đã kết nối gửi, nhận văn bản điện tử thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia, trong đó có khoảng **30.000** đơn vị hành chính các cấp. Ngoài khối các cơ quan hành chính nhà nước, Văn phòng Chính phủ đã tổ chức kết nối tới các cơ quan của Đảng, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia, Ngân hàng Chính sách xã hội, cơ quan Trung ương của các Tổ chức Chính trị - Xã hội, một số tập đoàn, tổng công ty nhà nước...

+ Văn phòng Chính phủ hiện đang tham mưu sửa đổi, bổ sung Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 trong đó có một số điểm mới như sau: (1) Cho phép doanh nghiệp, cá nhân gửi văn bản điện tử tới các cơ quan hành chính nhà nước; (2) Bổ sung quy trình xử lý công việc trên môi trường điện tử; (3) Nghiên cứu, bổ sung các quy định liên quan đến gửi nhận văn bản có chứa nội dung, thông tin bí mật nhà nước giữa các cơ quan hành chính.

+ Trong 06 tháng đầu năm 2023, số lượng văn bản điện tử, gửi, nhận qua Trục khoảng **3,6 triệu** văn bản, gấp **1,3** lần so với cùng kỳ năm 2022. Tính đến nay, đã có hơn **23 triệu** văn bản gửi, nhận trên Trục.

- Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ (e-Cabinet): Trong 6 tháng đầu năm 2023, Hệ thống đã phục vụ **10** hội nghị, phiên họp của Chính phủ, thực hiện xử lý **199** phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ (thay thế gần **60 nghìn** hồ sơ, tài liệu giấy). Tính đến nay, Hệ thống đã phục vụ **75** hội nghị, phiên họp của Chính phủ và thực hiện xử lý **1.670** phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ (thay thế hơn **575 nghìn** hồ sơ, tài liệu giấy).

- Hệ thống thông tin báo cáo Quốc gia, Trung tâm thông tin chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: Như đã trình bày tại Mục 6, Phần I.

- Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số (EMC):

+ Đến tháng 06/2023, EMC đã kết nối, thu thập số liệu về tình hình sử dụng thông tin và DVCTT trên Cổng thông tin điện tử, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của **20/20** bộ, ngành, **63/63** địa phương phục vụ giám sát, đánh

giá hiệu quả, mức độ cung cấp và sử dụng DVCTT, dựa trên dữ liệu sinh ra từ máy, **tự động, tức thời, không biết nói dối.**

+ **TOP 5** địa phương được quan tâm nhất trên không gian mạng: Thái Nguyên, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Cà Mau, Bắc Giang; **TOP 5** bộ, ngành được quan tâm nhất trên không gian mạng: Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông. Hàng ngày, Hệ thống EMC thu nhận hơn **05** triệu tương tác của tổ chức, cá nhân trên các Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước (Theo Similarweb ước lượng: Shopee.vn 4 triệu/ngày; Lazada.vn 1,2 triệu/ngày; Tiki.vn 0,29 triệu/ngày; Facebook.com 580 triệu/ngày; Twitter.com 220 triệu/ngày; Zalo.me 4,18 triệu/ngày).

+ Đánh giá dưới vai trò người dùng cuối, TOP 5 địa phương có HTTT giải quyết thủ TTHC tốt nhất: Cần Thơ, Yên Bái, An Giang, Bến Tre, Bình Định; TOP 5 bộ, ngành có HTTT giải quyết TTHC tốt nhất: Bộ Giao thông vận tải, Bộ Quốc phòng, Bộ Công Thương, Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông. Hàng ngày, EMC thu nhận hơn **01** triệu tương tác của tổ chức, cá nhân trên các HTTT giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh. EMC ghi nhận trung bình có **57** giao dịch/giây; thời điểm cao điểm là hơn **100** giao dịch/giây.

- Triển khai trợ lý ảo:

+ Trợ lý ảo được xây dựng và triển khai thí điểm nhằm hỗ trợ công chức, viên chức, người lao động trong công việc tại Bộ Thông tin và Truyền thông, Tòa án nhân dân tối cao, Lạng Sơn..., trước mắt tập trung vào hỏi đáp quy định trong văn bản pháp luật và hỏi đáp các tình huống quản lý nhà nước ngành.

+ **18** cơ quan (**16** tỉnh và **02** bộ, ngành) triển khai trợ lý ảo trên Cổng Dịch vụ công để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng DVCTT.

*b) Việc chưa làm tốt:*

Hầu hết việc triển khai Trợ lý ảo là đang ở giai đoạn thử nghiệm, nội dung trả lời hạn chế trong một vài lĩnh vực với chất lượng không cao.

*c) Bài học kinh nghiệm:*

Kết quả triển khai “Trợ lý ảo” của Tòa án nhân dân tối cao thời gian vừa qua minh chứng cho phương châm tổ chức triển khai chuyển đổi số **bài bản, thực chất, hiệu quả, làm đâu chắc đó, làm đâu dứt đó.**

### **1.7. Nguồn nhân lực số**

*a) Kết quả đạt được:*

- Tổ chức triển khai Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 (Đề án 146): Đến tháng 6/2023, đã tổ chức bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số cho

204.397 lượt cán bộ, công chức, viên chức của các bộ, ngành, địa phương; bồi dưỡng, tập huấn cho 255.545 thành viên Tổ CNSCĐ; phổ cập kỹ năng số cho người dân đạt gần 18 triệu lượt truy cập. Tổng số lượt cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành khóa học, cả trực tuyến và trực tiếp là 27.855.

- Triển khai Tổ CNSCĐ:

+ 63/63 tỉnh, thành phố đã thành lập các Tổ CNSCĐ đến từng thôn, tổ dân phố, khu dân cư, xóm, ấp dân cư với hơn 74.422 Tổ CNSCĐ và 348.362 thành viên, trong đó 52/63<sup>30</sup> tỉnh, thành phố hoàn thành 100% đến cấp xã. Mỗi Tổ CNSCĐ có khoảng 04 đến 09 thành viên, trong đó Tổ trưởng các tổ dân phố, Công an khu vực, Ban chấp hành Đoàn Thanh niên (các chi đoàn, đoàn cơ sở) và Doanh nghiệp công nghệ số là lực lượng nòng cốt.

+ Các thành viên của Tổ CNSCĐ có nhiệm vụ “**đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người**” biết, hiểu và thực hiện 05 nội dung kỹ năng số cơ bản: (1) Sử dụng DVCTT; (2) Mua sắm trực tuyến; (3) Thanh toán trực tuyến; (4) Tự bảo vệ mình trên không gian mạng; (5) Sử dụng nền tảng số khác tùy đặc thù của địa phương.

*b) Việc chưa làm tốt:*

- Công tác triển khai Tổ CNSCĐ tại một số địa phương còn chậm, thiếu chủ động, mang tính hình thức, cách thức tiếp cận hướng dẫn người dân sử dụng công nghệ số, dịch vụ số chưa sát với tinh thần “**đi từng ngõ, gõ từng nhà**” hay “**cầm tay chỉ việc**”; nhiều thành viên Tổ CNSCĐ vẫn chưa nắm vững nội dung, chưa tiếp cận được người dân hoặc chưa biết cách hướng dẫn người dân; người dân chưa cảm thấy được giá trị lợi ích thiết thực mang lại từ việc ứng dụng công nghệ vào đời sống hằng ngày.

- Các chương trình đào tạo, bồi dưỡng tại các cấp chưa đáp ứng nhu cầu về số lượng, chất lượng nguồn nhân lực trong tiến trình chuyển đổi số quốc gia. Việc nghiên cứu, triển khai Mô hình giáo dục đại học số còn chậm.

*c) Bài học kinh nghiệm:* Từ kết quả của Đà Nẵng, để tạo sự chuyển biến căn bản trong nhân lực số có thể áp dụng phương châm hành động **2 cần + 1 đẩy mạnh**: (1) Một là, **cần** có Kế hoạch triển khai đồng bộ, tổng thể trong tất cả các khu vực, nhóm đối tượng; (2) Hai là, **cần** có cách tiếp cận riêng phù hợp và nội dung đào tạo tương ứng mỗi nhóm đối tượng; (3) Ba là, **đẩy mạnh** truyền thông và phát huy vai

---

<sup>30</sup> 52/63 tỉnh, thành phố triển khai 100% đến cấp xã: An Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bạc Liêu, Bắc Giang, Bắc Kạn, Bắc Ninh, Bến Tre, Bình Định, Bình Phước, Bình Thuận, Cao Bằng, Đắk Nông, Điện Biên, Đồng Nai, Gia Lai, Hà Giang, Hà Nam, Hải Dương, Hậu Giang, Hòa Bình, Hưng Yên, Kiên Giang, Kon Tum, Khánh Hòa, Lai Châu, Lạng Sơn, Lào Cai, Lâm Đồng, Long An, Nam Định, Ninh Bình, Ninh Thuận, Phú Thọ, Quảng Ninh, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Sóc Trăng, Sơn La, Tiền Giang, TP. Cần Thơ, TP. Đà Nẵng, TP. Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh, Tuyên Quang, Thái Bình, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Thừa Thiên - Huế, Trà Vinh, Vĩnh Long, Vĩnh Phúc, Yên Bái.

trò Tổ CNSCĐ đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người dân, hộ gia đình kỹ năng ứng dụng công nghệ số.

### **1.8. An toàn, an ninh mạng**

#### **a) Kết quả đạt được:**

- Tỷ lệ HTTT của cơ quan nhà nước hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn HTTT: Theo báo cáo của các bộ, ngành và địa phương, tính đến tháng 6/2023, toàn quốc đã phê duyệt cấp độ an toàn HTTT cho 1.949 hệ thống/ tổng số 3.094 HTTT, đạt **63%** tăng **2** lần so với cùng kỳ năm 2022 (tính đến tháng 6/2022, tỷ lệ phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ là 31%).

- Tỷ lệ các trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh giá an toàn thông tin và dán nhãn tín nhiệm mạng: Trong 06 tháng đầu năm 2023, tổng các trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh giá an toàn thông tin và dán nhãn tín nhiệm mạng là **479** website (trong đó: **92** website thuộc các bộ ngành và **387** thuộc các tỉnh/thành) đã được kiểm duyệt và đạt chứng nhận. Đến tháng 6/2023, tổng các trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh giá an toàn thông tin và dán nhãn tín nhiệm mạng là **3.639** website (trong đó: **2.930** website thuộc cơ quan nhà nước, **51** website thuộc các đơn vị báo chí và **658** website thuộc đơn vị khác) đã được kiểm duyệt và đạt chứng nhận, tăng so với cùng kỳ năm 2022 (tổng các trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh giá an toàn thông tin và dán nhãn tín nhiệm mạng là **3.211** website).

- Số cuộc tấn công mạng vào các HTTT tại Việt Nam: Trong 06 tháng đầu năm 2023, tổng số cuộc tấn công mạng vào các HTTT tại Việt Nam là **6.362** cuộc tấn công, giảm **4,2%** so với cùng kỳ năm 2022 (**6.641** cuộc tấn công).

- Doanh thu an toàn thông tin mạng: Doanh thu tháng 6/2023 đạt **299** tỷ đồng, giảm **13,6%** so với tháng 6 năm 2022 (346 tỷ đồng); Doanh thu Quý II năm 2023 đạt **892** tỷ đồng, tăng **23,5%** so với Quý I/2023 (722,2 tỷ đồng); tăng **6,2%** so với Quý II năm 2022 (840 tỷ đồng); Doanh thu 6 tháng đầu năm 2023 đạt **1.614,2** tỷ đồng, tăng **13,8%** so với 6 tháng đầu năm 2022 (1.418,3 tỷ đồng).

*b) Việc chưa làm tốt:* Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn HTTT theo cấp độ (Điều 19 Nghị định 85/2016/NĐ-CP quy định về phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ) còn rất thấp: mới khoảng **9,2%**.

*c) Bài học kinh nghiệm:* Các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng để góp phần tạo lập “**Niềm tin số**” của các cơ quan, tổ chức hiện phần lớn nằm ở trên “**giấy**” (khoảng **9,2%** HTTT của cơ quan nhà nước đáp ứng yêu cầu), cần phải được khẩn trương triển khai nếu không muốn “**Một lần mất tín vạn sự bất tin**”.

### ***1.9. Nguồn kinh phí chi cho Chuyển đổi số***

#### ***a) Kết quả đạt được:***

Thúc đẩy hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số trên phạm vi toàn quốc, trên tinh thần sử dụng tiết kiệm, hiệu quả ngân sách nhà nước chi cho ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số và tránh sai phạm; Bộ TT&TT đã có Văn bản số 2509/BTTTT-CĐSQG ngày 29/6/2023 nhắc nhở và lưu ý các các bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương (các bộ, ngành và địa phương) một số nội dung như sau:

- Căn cứ các văn bản quy định của pháp luật về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, các bộ, ngành và địa phương ban hành các quy chế, quy định chi tiết triển khai thực hiện các hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số thuộc phạm vi quản lý. Trong đó cần phân công, giao nhiệm vụ, xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của các đơn vị liên quan; trình tự, thủ tục thực hiện.

- Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước đã quy định nhiều hình thức thực hiện đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số. Các bộ, ngành và địa phương lựa chọn hình thức triển khai phù hợp với các nhiệm vụ chuyển đổi số và nguồn vốn sử dụng. Có thể tham khảo cách phân biệt, lựa chọn hình thức thực hiện như sau: thực hiện thuê dịch vụ công nghệ thông tin đối với những hệ thống thông tin, phần mềm đã phổ biến hoặc thay đổi nhanh chóng; thực hiện đầu tư, mua sắm những hệ thống, phần mềm mang tính cốt lõi, đặc thù riêng của ngành, của địa phương.

- Tăng cường giám sát thực hiện đầu tư; thành lập các tổ, đoàn kiểm tra, giám sát độc lập việc tuân thủ các quy định của pháp luật đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý.

- Chỉ đạo cơ quan, đơn vị chuyên trách công nghệ thông tin các bộ, ngành và địa phương rà soát tổng thể trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương trong thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan và phương án tổ chức, triển khai từng nhiệm vụ.

#### ***b) Việc chưa làm tốt:***

Nhiều CSDL, hệ thống thông tin, nền tảng số đã được xây dựng, đưa vào vận hành, tuy nhiên, vẫn chưa có một quy định chung, cụ thể về bố trí kinh phí cho việc vận hành, duy trì các hệ thống trong cơ quan nhà nước. Điều này tạo nên một “**rào cản**” lớn trong việc bảo đảm hoạt động liên tục, thông suốt, tin cậy, an toàn, an ninh mạng của các hệ thống, đặc biệt là các hệ thống quan trọng phục vụ người

dân, doanh nghiệp, hoạt động của nền hành chính.

c) *Bài học kinh nghiệm*: Để có nguồn kinh phí nhằm bảo đảm CSDL quốc gia về Dân cư hoạt động được liên tục, ổn định, thông suốt, tin cậy, an toàn, an ninh mạng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ, tiện ích trong kinh tế số, xã hội số của người dân, doanh nghiệp ngày càng cao, Bộ Công an đã phối hợp với Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 48/2022/TT-BTC ngày 03/8/2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

## 2. Kinh tế số

### 2.1. Kết quả đạt được

- Ước tính sơ bộ tỷ trọng kinh tế số/GDP trong 06 tháng đầu năm 2023 đạt khoảng **14,96%**.

- Đến tháng 6/2023, đã có **03/30** bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, **36/63** địa phương đã ban hành kế hoạch hành động triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; **29/63** địa phương ban hành Kế hoạch hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế và các mô hình thí điểm thanh toán số, y tế; **31/63** địa phương đã ban hành kế hoạch hành động thúc đẩy doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.

### 2.2. Việc làm chưa tốt

- Còn nhiều bộ, ngành (khoảng **90%**), địa phương (khoảng **43%**) chưa ban hành Kế hoạch hành động triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số.

- Các bộ, ngành, địa phương đang tập trung nhiều hơn cho phát triển chính phủ số/chính quyền số, chưa quan tâm đúng mức trong phát triển kinh tế số và xã hội số. Ngoài ra, nhân lực để thúc đẩy phát triển kinh tế số tại các bộ, ngành, địa phương còn rất hạn chế.

- Đo lường kinh tế số đang trong quá trình nghiên cứu hoàn thiện do chưa có phương pháp đo lường thống nhất cả trên thế giới và Việt Nam và còn thiếu dữ liệu đầu vào (không có dữ liệu lịch sử, các dữ liệu hành chính thường có độ trễ lớn).

### 2.3. Bài học kinh nghiệm

Kết quả triển khai SMEdx đã tạo niềm tin lớn hơn về khẳng định nền tảng số là giải pháp hỗ trợ hiệu quả để thúc đẩy phát triển kinh tế số nhanh tại Việt Nam. Công thức để thúc đẩy các nền tảng số là “**Doanh nghiệp làm nền tảng,**



**Nhà nước thúc đẩy sử dụng dựa trên thiết lập niềm tin**”, thể hiện ở chỗ cơ quan nhà nước xác thực, công bố và quảng bá, từ đó doanh nghiệp nhỏ và vừa tin tưởng sử dụng; làm từ dễ đến khó, từ điểm đến diện rộng.

### 3. Xã hội số

#### 3.1. Kết quả đạt được

- Năm (05) tháng đầu năm 2023, tổng số lượt tải ứng dụng di động từ Việt Nam đạt **1,41** tỷ lượt (chiếm **2,2%** lượt tải ứng dụng toàn cầu), giảm nhẹ so với cùng kỳ năm 2022 là **3,04%** và so với cùng kỳ năm 2021 tăng **19,25%**. Trong đó, gần **75%** lượt tải là từ các thiết bị sử dụng hệ điều hành Android. Doanh thu giao dịch trực tiếp qua ứng dụng di động (in-app purchase) của thiết bị sử dụng hệ điều hành iOS ghi nhận cao gấp **1,5** lần so với thiết bị Android, với tổng doanh thu trên cả 02 kho ứng dụng đạt hơn **100 triệu đô**.

- Bình quân thời lượng mỗi người dùng dành để sử dụng các ứng dụng di động của Việt Nam là **64 giờ/tháng** và tỷ lệ lượt người dùng sử dụng các ứng dụng có đăng ký trụ sở tại Việt Nam chiếm khoảng hơn **22%** so với tổng số lượt người dùng của toàn thị trường Việt Nam.

- Đến tháng 6/2023, hiện có khoảng **60** nền tảng/ứng dụng di động phục vụ người dân của Việt Nam có trên **1** triệu người dùng sử dụng bình quân hằng tháng, trong đó:

+ Nền tảng có số lượng người dùng đông nhất đã đạt gần **75** triệu người dùng sử dụng bình quân hằng tháng, **19** ứng dụng di động có trên **5** triệu người dùng sử dụng bình quân hằng tháng; **41** ứng dụng có từ **1-5** triệu người dùng.

+ Xu hướng tiêu dùng dịch vụ số của người dân tập trung chủ yếu ở **02** nhóm nền tảng số là thanh toán số và giải trí. Trong nhóm nền tảng có trên **1** triệu người dùng sử dụng bình quân hằng tháng, có **14** nền tảng phục vụ thanh toán số (chiếm **23,33%**); **14** nền tảng phục vụ giải trí (chiếm **23,33%**); **07** nền tảng phục vụ mua sắm (chiếm **11,66%**); các nhóm giáo dục, tin tức, trò chơi điện tử đều có **03** nền tảng lọt vào top này. Đáng chú ý nhất có **02** nền tảng dịch vụ công của cơ quan chính phủ là VNeID ước sơ bộ có **8,5** triệu người dùng sử dụng bình quân hằng tháng (tăng **05** triệu người dùng người dùng so với cùng kỳ năm 2022) và VssID có **7,5** triệu người dùng sử dụng bình quân hằng tháng.

- Zalo và Cốc cốc dẫn đầu trong nhóm này về số lượng thời gian người dùng dành ra cho việc sử dụng dịch vụ của ứng dụng này với tổng cộng gần **02** triệu giờ trong 05 tháng vừa qua, có nghĩa là mỗi tháng, một người dùng sẽ dành **trên 5 tiếng** để sử dụng dịch vụ của 02 nền tảng này.

### 3.2. Việc làm chưa tốt

- Các nền tảng số Việt Nam phục vụ nhu cầu thiết yếu như: giáo dục và học tập, chăm sóc sức khỏe chưa được thúc đẩy mạnh, hiện chưa có nền tảng số “Make in Vietnam” **thống lĩnh thị trường**.

- Trải nghiệm của người dùng trên Internet vẫn chủ yếu tập trung ở những thành phố lớn, các đô thị.

### 3.3. Bài học kinh nghiệm

- Từ kết quả của VTVMGo, có thể thấy văn hóa, giá trị truyền thống là **vốn quý, là cái đặc trưng, cái duy nhất của dân tộc** và cần phải được sử dụng phục vụ xây dựng, phát triển nội dung trên các nền tảng số. Có như vậy mới có thể tạo nên **động lực đột phá, sức mạnh cạnh tranh** để có thể thống lĩnh thị trường trong nước, trước khi vươn mình ra thế giới. **Phần cốt** (công nghệ, kỹ thuật) của nền tảng số có thể giúp đi nhanh giai đoạn đầu, nhưng để đi xa và bền vững cần **phần hồn** (nội dung) đặc sắc được tạo nên từ việc kết thừa, phát triển các giá trị văn hóa, truyền thống của dân tộc.

- Công thức thúc đẩy nền tảng số quốc gia: [(Bộ chủ trì nền tảng số quốc gia) + (Bộ Thông tin và Truyền thông) + (Người sử dụng)] x (Giá trị văn hoá, truyền thống dân tộc).

## IV. TỒN TẠI, HẠN CHẾ

Đánh giá tổng thể 06 tháng đầu năm **2023** có **6** tồn tại, hạn chế lớn như sau:

**Một là**, chậm trễ trong việc ban hành kế hoạch năm **2023**. Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số đã kết luận chỉ đạo sớm ban hành Kế hoạch năm 2023 ngay sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán Quý Mão. Tuy nhiên, đến ngày **04/4/2023**, Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm **2023** mới được ban hành. Việc ban hành kế hoạch quốc gia chậm dẫn đến hoạt động chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương trong 6 tháng đầu năm bị chậm tương ứng trong khâu tổ chức thực hiện.

**Hai là**, chậm trễ trong việc triển khai và phổ biến các nền tảng số quốc gia. Trong Chương trình Chuyển đổi số quốc gia, Chiến lược quốc gia phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số đều xác định phát triển nền tảng số dùng chung là giải pháp đột phá để thúc đẩy chuyển đổi số nhanh hơn, giúp giảm chi phí, tăng hiệu quả hoạt động. Tuy nhiên, đến nay, số lượng nền tảng số quốc gia được triển khai rộng rãi chưa nhiều.

**Ba là**, chậm trễ trong việc hoàn thiện, ban hành các định mức, đơn giá cho triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, đặc biệt là định mức quản trị, duy trì, vận hành, tích hợp hệ thống thông tin.

**Bốn là**, chậm trễ trong việc ban hành các văn bản hướng dẫn chuyên đề về dữ liệu để triển khai Năm Dữ liệu số quốc gia.

**Năm là**, chậm trễ trong việc tổ chức kiểm tra, giám sát, đôn đốc thường xuyên, liên tục. Thời gian qua, công tác kiểm tra, giám sát và đặc biệt là vai trò đôn đốc của Cơ quan Thường trực Ủy ban và của đơn vị Thường trực Ban Chỉ đạo các cấp vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, dẫn đến tiến độ thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ quan trọng chưa có nhiều tiến triển, có nguy cơ không hoàn thành mục tiêu đề ra.

**Sáu là**, chậm trễ trong việc đề xuất nội dung cập nhật kiến thức về chuyển đổi số trong chương trình bồi dưỡng ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp và chương trình đào tạo về lý luận chính trị. Hiện nay, hầu hết các chương trình bồi dưỡng chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp, các chương trình đào tạo lý luận chính trị đều có nội dung về chuyển đổi số. Tuy nhiên, nội dung này hiện nay do các cơ sở đào tạo chủ động xây dựng, chưa có khung chương trình tổng thể chung, nội dung chưa sát với thực tiễn, chưa gắn được với các chương trình, chiến lược quốc gia về chuyển đổi số.

Trách nhiệm chính của **06** tồn tại, hạn chế trên trước tiên thuộc về khâu tổ chức thực thi của Bộ Thông tin và Truyền thông - Cơ quan thường trực Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số.

## V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Năm 2023 là năm bản lề, đánh dấu nửa chặng đường thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2021-2025. Có được một năm 2023 thành công sẽ quyết định kết quả của cả giai đoạn 2021-2025. Do vậy, Bộ Thông tin và Truyền thông kính đề xuất Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp **khẩn trương** tổ chức triển khai các nhiệm vụ, hoàn thành các mục tiêu theo Kế hoạch hoạt động của Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số năm 2023, trong đó **chú trọng** các nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

### a) Về thể chế số:

- Bộ Tư pháp chủ trì, hướng dẫn, điều phối, đôn đốc các bộ, ngành thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm rà soát của cơ quan mình để phát hiện các văn bản cần điều chỉnh bảo đảm phù hợp với Luật Giao dịch điện tử năm 2023; tham mưu, đề xuất Chương trình, Kế hoạch sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên, bảo đảm việc chuyển đổi từ phương thức làm việc truyền thống sang môi trường điện tử. Thời hạn hoàn thành: **Tháng 8/2023**.

- Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp và các bộ, ngành liên quan hoàn thành dự thảo toàn bộ các Nghị định hướng dẫn Luật Giao dịch điện **trong năm 2023**, đề tháng 03/2024 trình Chính phủ ban hành và có hiệu lực đồng bộ với thời gian Luật có hiệu lực, từ 01/07/2024.

*b) Về hạ tầng số:*

- Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, chỉ đạo, tổ chức tiếp tục triển khai phủ sóng di động tại các thôn/bản lǎm sóng năm trong Chương trình viễn thông công ích giai đoạn đến 2025; thúc đẩy hoàn thành mục tiêu tỷ lệ hộ gia đình phủ cáp quang đạt **85%**, số thuê bao băng rộng cố định trên 100 dân đạt **25 thuê bao/100 dân**, số thuê bao băng rộng di động trên 100 dân đạt **90 thuê bao/100 dân**. Thời hạn hoàn thành: Tháng 12/2023.

- Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì làm việc trực tiếp, hướng dẫn, điều phối, đôn đốc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ xác định nền tảng số quốc gia, nền tảng số ngành, lĩnh vực ưu tiên phát triển và thúc đẩy phổ cập sử dụng. Thời hạn hoàn thành: Tháng 8/2023.

*c) Về nhân lực số:*

- Bộ Giáo dục và Đào tạo trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thí điểm mô hình giáo dục đại học số. Thời hạn hoàn thành: **Tháng 12/2023**.

- Bộ Thông tin và Truyền thông đánh giá, công bố Nền tảng học trực tuyến mở đại trà là nền tảng số quốc gia phục vụ bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số, tổ chức hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số trên Nền tảng. Thời hạn hoàn thành: **Tháng 08/2023**.

*d) Về dữ liệu số:*

- Bộ, ngành nghiên cứu, ban hành các quy định hướng dẫn tường minh về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong ngành, lĩnh vực mình quản lý, theo hướng cân bằng giữa bảo vệ dữ liệu cá nhân và sử dụng dữ liệu để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Thời hạn hoàn thành: **Tháng 12/2023**.

- Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp tình hình, hướng dẫn, điều phối, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Năm Dữ liệu số quốc gia. Thời hạn hoàn thành: **Tháng 07/2023**.

- Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổng hợp dữ liệu quốc gia phục vụ xây dựng, huấn luyện mô hình ngôn ngữ lớn tiếng Việt. Thời hạn hoàn thành: **Tháng 12/2023**.

*đ) Về chính phủ số:*

Các bộ, ngành, địa phương triển khai **20** nhiệm vụ, giải pháp cụ thể đã được hướng dẫn tại Văn bản số **2051/BTTTT-CĐSQG** ngày **02/6/2023** của Bộ Thông tin và Truyền thông để tiếp tục nâng cao chất lượng cung cấp và hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

*e) Về kinh tế số:*

- Các bộ, ngành, địa phương triển khai phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực, địa phương. Tập trung ưu tiên chuyển đổi số, thúc đẩy phát triển kinh tế số các lĩnh vực cửa khẩu, cảng biển, giao nhận hàng hóa, nông nghiệp, du lịch, dệt may và sản xuất công nghiệp. Thời hạn hoàn thành: **Tháng 12/2023**.

- Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức phiên họp chuyên đề về phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực; ban hành văn bản hướng dẫn, điều phối, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp. Thời hạn hoàn thành: Tháng 7/2023.

*g) Về xã hội số:*

- Các bộ, ngành, địa phương triển khai phổ cập **08** yếu tố cơ bản của xã hội số: Mỗi hộ gia đình một đường cáp quang băng rộng. Mỗi người dân một điện thoại thông minh, một danh tính điện tử, một chữ ký số cá nhân, một tài khoản thanh toán số, một tài khoản dịch vụ công trực tuyến, một phần mềm bảo đảm an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản và có kỹ năng số ở mức cơ bản. Thời hạn hoàn thành: **Tháng 12/2023**.

- Bộ Y tế tổ chức đánh giá, công bố, nhân rộng các mô hình bệnh viện số. Thời hạn hoàn thành: **Tháng 09/2023**.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức đánh giá, công bố, nhân rộng các mô hình trường học số. Thời hạn hoàn thành: **Tháng 09/2023**.

- Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức phiên họp chuyên đề về phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực; ban hành văn bản hướng dẫn, điều phối, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp. Thời hạn hoàn thành: **Tháng 08/2023**.

Trên đây là Báo cáo Sơ kết chuyển đổi số quốc gia 06 tháng đầu năm 2023./.

**BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**